

Số: **43**/TB-HDQT

Hạ Long, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**Về Nghị quyết, Biên bản**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông của Công ty

Tên giao dịch: **CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**  
Trụ sở chính: Số 1 phố Tân Lập, phường Hà Lâm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  
Mã chứng khoán: **HLC**  
Điện thoại: 0203.3825.339 - Fax: 0203.3821.203  
Người thực hiện Công bố thông tin: **Phạm Văn Tác**  
Địa chỉ: Tổ 7 Khu 2A, Phường Cao Thắng, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Số điện thoại: 0912 392 290

**Nội dung thông tin công bố:**

Nghị quyết, Biên bản và các tài liệu đính kèm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin họp ngày 26/4/2021 thông qua.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố nêu trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận :**

- Cổ đông ;
- Phòng CV (đăng Website và CBTT)
- UBCKNN ; Sở GDCK Hà Nội ;
- Lưu Hồ sơ Đại hội.

NGƯỜI QUẢN LÝ QUYỀN CBTT  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THAN HÀ LÂM  
VINACOMIN  
**Phạm Văn Tác**

Số: 01/2021/NQ-DHĐCĐTN

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 của Quốc hội;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin;  
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin số 01/2021/BB-ĐHĐCĐTN được tổ chức ngày 26/4/2021.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021, Kế hoạch cổ tức năm 2021 của Công ty CP Than Hà lâm - Vinacomin.**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021, Kế hoạch cổ tức năm 2021 của Công ty CP Than Hà lâm - Vinacomin với các chỉ tiêu cơ bản sau:

**1. Kết quả SXKD năm 2020**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020 (CV6326)	KH NĂM ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KH ĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai khai thác	Tấn	2 685 000	2 680 000	2 679 158	99,78	99,97
	- Than lộ thiên	"	285 000	300 000	299 960	105,25	99,99
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 380 000	2 379 198	99,13	99,97
2	Đất bóc CBSX	1000 m <sup>3</sup>	480	642	659	137,23	102,60
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 500	9 502	100,02	100,02
4	Than tiêu thụ	Tấn	2 686 000	2 470 000	2 527 886	94,11	102,34
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 871 880	2 697 282	2 703 883	94,77	100,20
6	Lợi nhuận	"	43 367	43 367	43.383	100,03	100,03
7	Lợi nhuận sau thuế	"			42 551		
8	Lao động bình quân	Người	3 056	3 056	3 086	100,98	100,98
9	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15 212	15 212	16 2 26	106,66	106,66



## 2. Kế hoạch SXKD năm 2021

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Than nguyên khai khai thác	1000Tấn	2.350
	- Than lộ thiên	"	
	- Than hầm lò	"	2.350
	+ Trong đó than lò chợ CGH:	"	
2	Đất CBSX	1000 m3	
3	Mét lò CBSX	"	10.280
4	Than tiêu thụ	1000Tấn	2.453
5	Doanh thu than	Tr.đồng	3.001.136
6	Lợi nhuận sản xuất than	"	43.178
7	Lao động bình quân	Người	3.321
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15.231

- Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 khi điều kiện SXKD của Công ty có sự thay đổi hoặc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh bổ sung (tăng hoặc giảm) chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch phối hợp kinh doanh, nhưng việc điều chỉnh kế hoạch của HĐQT phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

- Kế hoạch cổ tức năm 2021  $\geq 5\%$  /Vốn điều lệ (bằng hoặc lớn hơn năm phần trăm/Vốn điều lệ)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam (có báo cáo kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 3. Thông qua phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2020.**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua phương án chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

- Lợi nhuận trước thuế :	43.383 Tr.đồng
- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:	832 Tr.đồng
- Lợi nhuận còn lại sau thuế	42.551 Tr.đồng
+ Trả cổ tức (6%)/Vốn Điều lệ	15.249 Tr.đồng
+ Trích quỹ thưởng VCQL (1,5 tháng lương):	334 Tr.đồng
+ Số còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	26.968 Tr.đồng

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 4. Thông qua báo cáo việc thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và tiền lương của các viên chức quản lý năm 2020 và kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2021.**

1. Thông qua báo cáo thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và tiền lương của các viên chức quản lý năm 2020

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua báo cáo thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và tiền lương của các viên chức quản lý năm 2020 và Kế hoạch thù lao, tiền lương của cán bộ quản lý năm 2021 như sau:

(i) Năm 2020

- Về thù lao

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (đ)	Đã chi 80% (đ)	Còn lại 20% (đ)	Ghi chú
1	Hội đồng Quản trị	5	281.000.000	224.800.000	56.200.000	20% còn lại sẽ chi trả năm 2021
2	Ban kiểm soát	3	165.600.000	132.480.000	33.120.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>446.600.000</b>	<b>357.280.000</b>	<b>89.320.000</b>	

- Tiền lương Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (đ)	Đã chi (đ)
1	Giám đốc	01	471.794.833	471.794.833
2	Phó Giám đốc	05	1.820.140.110	1.820.140.110
3	Kế toán trưởng	1	381.065.057	381.065.057
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.673.000.000</b>	<b>2.673.000.000</b>

(ii) Kế hoạch năm 2021

- Về thù lao

TT	Chức danh	Số người	Mức lương để tính thù lao (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	2	3	4	5 = 4 x 20%
1	Chủ tịch HĐQT	01	27.000.000	5.400.000
2	Thành viên HĐQT	04	23.000.000	4.600.000
3	Trưởng BKS	01	23.000.000	4.600.000
4	Thành viên BKS	02	23.000.000	4.600.000

- Về tiền lương



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương tháng theo QĐ số 1387/QĐ-TKV (Tr.đ)	Hệ số điều chỉnh CV số 6118/TKV-KH	Mức lương 1 tháng sau điều chỉnh hệ số (Tr.đ)	Số tháng	Tổng tiền lương năm 2021 (Tr.đ)
1	Giám đốc	01	26	1,5	39,0	12	468
2	Phó Giám đốc	04	23	1,5	34,5	12	1.656
3	Kế toán trưởng	01	21	1,5	31,5	12	378
	<b>Tổng cộng</b>						<b>2.502</b>

Phương thức chi trả thù lao và tiền lương năm 2021.

Hàng quý hoặc 6 tháng các thành viên HĐQT, BKS, Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao; hàng tháng người quản lý được tạm ứng 80% tiền lương của tháng đó; Số tiền thù lao và tiền lương còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 5. Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021 và kiện toàn cơ cấu HĐQT.**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021 và ủy quyền cho HĐQT công ty sớm kiện toàn chức danh thành viên độc lập HĐQT trong năm 2021 theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty trong kỳ Đại hội tài (có báo cáo kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 6. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020.**

Đại hội tán thành thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 7. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định kết quả SXKD; báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.**

Đại hội tán thành thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định kết quả SXKD; BCTC năm 2020 của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



### **Điều 8. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2021.**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam – địa chỉ Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Trong trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trên về tiền độ và mức phí kiểm toán, đề nghị giao cho Giám đốc báo cáo HĐQT công ty lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách các Công ty kiểm toán độc đã lập được Bộ Tài chính và Ủy ban CKNN chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán hàng năm.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Điều 9. Thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty (kèm theo Điều lệ Công ty)

(i) Về kết cấu của Điều lệ: Gồm 21 chương, 62 điều.

(ii) Về nội dung Điều lệ đảm bảo tính tuân thủ điều lệ mẫu, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Điều 10. Thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty; kết cấu của Quy chế: Gồm 3 chương, 7 điều (kèm theo Quy chế).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Điều 11. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty; kết cấu của Quy chế: Gồm 7 chương, 24 điều (kèm theo Quy chế).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Điều 12. Thông qua Quy chế hoạt động của BKS**

Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua Quy chế hoạt động của BKS Công ty kết cấu của Quy chế: Gồm 7 chương, 22 điều (kèm theo Quy chế).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 49 phiếu, đại diện cho 19 877 925 cổ phần chiếm 100 % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Điều 13. Hiệu lực và tổ chức thực hiện Nghị quyết**

1. Hiệu lực: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tán thành biểu quyết thông qua đạt tỷ lệ 100 % số cổ phần biểu quyết tại Đại hội





2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông (tiếp cận tại Website của Cty);
- Ủy ban CKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BKS công ty (portal);
- Đảng ủy, BCHĐ, ĐTN Cty (portal);
- Ban Giám đốc, cán bộ quản lý khác (portal);
- Phòng CV (CBTT trên TTCK và đăng Website của Cty);
- Lưu : VT, TK Cty, Hồ sơ Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Nguyễn Trọng Tốt

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

**BIÊN BẢN**  
**Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**  
Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: **VINACOMIN-HALAM COAL JOINT STOCK COMPANY**  
Mã số doanh nghiệp: 5700101637  
Mã chứng khoán: HLC  
Địa chỉ doanh nghiệp: Số 1, Phố Tân Lập- Phường Hà Lâm - TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.  
Thời gian họp: Khai mạc từ 7h30, ngày 26/4/2021  
Địa điểm họp: Hội trường Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin  
Chương trình họp: Theo Chương trình đã được đại hội thông qua.  
Chủ tọa: Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT.  
Thư ký: Ông Phạm Văn Tác - Mã số đại diện cổ đông số 021  
Thành phần dự họp đại hội: HĐQT, BKS, các cán bộ quản lý khác của Công ty, cổ đông và người đại diện được ủy quyền.

**I/ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC.**

Sau phần khai mạc và giới thiệu đại biểu, Ông Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tịch HĐQT- Chủ tọa điều hành Đại hội theo các nội dung sau:

**1. Bầu Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu biểu quyết.**

Chủ tọa đề cử và được Đại hội nhất trí thông qua nội dung:

- Thư ký đại hội: Ông Phạm Văn Tác - Mã số đại diện cổ đông số 021;
- Ban kiểm phiếu biểu quyết, gồm 03 ông/ bà có danh sách sau:

TT	Họ và tên	Mã cổ đông	Chức vụ
1	Phạm Minh Tiến	028	Q. Chánh Văn Phòng Công ty - Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Huế	05	P. Chủ tịch Công đoàn Công ty - Thành viên
3	Trần Văn Hữu	026	TP Trắc địa- Địa chất - Thành viên

**2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và người đại diện theo ủy quyền dự họp Đại hội.**

\* Ông Bùi Thanh Đoàn - Trưởng ban kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và người đại diện dự họp Đại hội:

(i) Tổng số cổ đông của Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt quyền được dự họp Đại hội là: 3.803 người, sở hữu 25.415.199 CP.



(ii) Tại thời điểm 7h30, tổng số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội là 49 người, sở hữu và đại diện sở hữu 19.877.925 cổ phần, chiếm 78,21 %/ Tổng số CP của Công ty đều đủ tư cách dự họp Đại hội.

(iii) Căn cứ Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và căn cứ tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu của các cổ đông và người đại diện đến dự họp đã có đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội.

\* Ông Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tọa Đại hội tuyên bố Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty hợp lệ và tổ chức điều hành Đại hội theo quy định (Khoản 1- Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần biểu quyết).

### 3. Thông qua chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội

(i) Ông Trương Ngọc Linh - Thành viên HĐQT trình bày; Dự thảo Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội.

(ii) Ông Nguyễn Trọng Tốt, Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết: Đại hội biểu quyết Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội: Tổng số phiếu tán thành 49 phiếu, đại diện cho 19.877.925 Cổ phần, chiếm 100% số cổ phần dự họp Đại hội.

## II/ PHẦN TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH, THÔNG BÁO TẠI ĐẠI HỘI

- |             |  |
|-------------|--|
| Nội dung 1  | Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 và kế hoạch cổ tức năm 2021;   |
| Nội dung 2  | Báo cáo Tài chính tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán;  |
| Nội dung 3  | Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;   |
| Nội dung 4  | Báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2020; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2021; |
| Nội dung 5: | Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và thành viên Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021;  |
| Nội dung 6  | Thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích liên quan;   |
| Nội dung 7  | Báo cáo của BKS về hoạt động của BKS năm 2020;   |
| Nội dung 8  | Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định kết quả SXKD; báo cáo tài chính năm 2020;   |
| Nội dung 9  | Tờ trình của BKS đề xuất, kiến nghị Đại hội lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty;   |
| Nội dung 10 | Tờ trình của BKS đề nghị Đại hội phê duyệt Quy chế hoạt động BKS;  |
| Nội dung 11 | Tờ trình đề nghị Đại hội quyết định ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty;   |
| Nội dung 12 | Tờ trình đề nghị Đại hội phê duyệt Quy chế Nội bộ về quản trị;   |
| Nội dung 13 | Tờ trình đề nghị Đại hội phê duyệt Quy chế hoạt động HĐQT;   |

(Kèm theo các báo cáo, tờ trình và thông báo tại Đại hội)

### III/ ĐẠI HỘI TIỀN HÀNH VÀ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ SAU:

**Nội dung thứ nhất:** Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, Kế hoạch SXKD năm 2021 và dự kiến mức cổ tức năm 2021.

Sau khi nghe ông Vũ Ngọc Thăng - Thành viên HĐQT- Q.Giám đốc trình bày Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 và dự kiến mức cổ tức năm 2021, với các nội dung chủ yếu sau:

#### 1. Kết quả SXKD năm 2020 về một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020 (CV6326)	KH NĂM ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai	Tấn	2 685 000	2 680 000	2 679 158	99,78	99,97
	- Than lộ thiên	"	285 000	300 000	299 960	105,25	99,99
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 380 000	2 379 198	99,13	99,97
2	Đất bóc CBSX	1000 m <sup>3</sup>	480	642	659	137,23	102,60
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 500	9 502	100,02	100,02
4	Than tiêu thụ	Tấn	2 686 000	2 470 000	2 527 886	94,11	102,34
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 871 880	2 697 282	2 703 883	94,77	100,20
6	Lợi nhuận	"	43 367	43 367	43 383	100,03	100,03
7	Lợi nhuận sau thuế	"			42 551		
8	Lao động bình quân	Người	3 056	3 056	3 086	100,98	100,98
9	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15 212	15 212	16 2 26	106,66	106,66

#### 2. Quyết toán dự án hoàn thành (dự án Nhóm A):

Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác phần dưới mức -50, Mỏ Than Hà Lâm, Công ty than Hà Lâm (điều chỉnh):

- Dự án có tổng dự toán 6.094 Triệu đồng;

- Giá trị quyết toán: 4.667 Triệu đồng;

Như vậy, giá trị quyết toán dự án giảm so với dự toán 1.427 Triệu đồng;

#### 3. Kế hoạch SXKD năm 2021

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021
1	Than nguyên khai khai thác	1000Tấn	2.350
	- Than lộ thiên	"	
	- Than hầm lò	"	2.350
2	Đất CBSX	1000 m <sup>3</sup>	-
3	Mét lò CBSX	"	10.280
4	Than tiêu thụ	1000Tấn	2.453
5	Doanh thu than	Tr.đồng	3.001.136
6	Lợi nhuận sản xuất than	"	43.178
7	Lao động bình quân	Người	3.321
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15.231



*\* Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết*

a) Phản thảo luận:

- Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 khi điều kiện SXKD của Công ty có sự thay đổi hoặc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh bổ sung (tăng hoặc giảm) chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch phối hợp kinh doanh, nhưng việc điều chỉnh kế hoạch của HĐQT phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Kế hoạch cổ tức năm 2021  $\geq 5\%$  /Vốn điều lệ

- Ý kiến khác: Không

b) Đại hội tiến hành biểu quyết Báo cáo kết quả SXKD năm 2020; Kế hoạch SXKD năm 2021; kế hoạch cổ tức năm 2021  $\geq 5\%$  /Vốn điều lệ.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung thứ 2: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.**

Sau khi nghe bà Vũ Thị Minh Thanh – Kế toán trưởng Công ty trình bày tóm tắt Báo cáo Tài chính năm 2020; ông Nguyễn Văn Tấn – Trưởng BKS trình bày báo cáo thẩm định kết quả SXKD; báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam đúng theo quy định của pháp luật.

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) Phản thảo luận:

- Ý kiến phát biểu tại Đại hội: Không

b) Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung thứ 3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.**

Sau khi nghe bà Vũ Thị Minh Thanh – Kế toán trưởng Công ty trình bày Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, nội dung chính:

- Lợi nhuận trước thuế : 43.383 Tr.đồng

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:	832 Tr.đồng
- Lợi nhuận còn lại sau thuế	42.551 Tr.đồng
+ Trả cổ tức (6%)/Vốn Điều lệ	15.249 Tr.đồng
+ Trích quỹ thưởng VCQL (1,5 tháng lương):	334 Tr.đồng
+ Số còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	26.968 Tr.đồng

\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Phân thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Đại hội biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung tư 4. Thông qua báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2020; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2021**

Sau khi nghe bà Vũ Thị Minh Thanh – Kế toán trưởng Công ty trình bày báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2020; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2021.

Nội dung chính:

### 1. Thực hiện năm 2020

1.1- Tổng mức thù lao và thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020.

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (đ)	Đã chi 80% (đ)	Còn lại 20% (đ)	Ghi chú
1	Hội đồng Quản trị	5	281.000.000	224.800.000	56.200.000	20% còn lại chi trả năm 2021
2	Ban kiểm soát	3	165.600.000	132.480.000	33.120.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>446.600.000</b>	<b>357.280.000</b>	<b>89.320.000</b>	

1.2 - Tổng mức tiền lương và thực hiện chi trả tiền lương cho Ban Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2020

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (đ)	Đã chi (đ)
1	Giám đốc	01	471.794.833	471.794.833
2	Phó Giám đốc	05	1.820.140.110	1.820.140.110
3	Kế toán trưởng	1	381.065.057	381.065.057
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.673.000.000</b>	<b>2.673.000.000</b>



## 2. Kế hoạch năm 2021

### 2.1- Kế hoạch thù lao HDQT, BKS năm 2021

TT	Chức danh	Số người	Mức lương để tính thù lao (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	2	3	4	$5 = 4 \times 20\%$
1	Chủ tịch HDQT	01	27.000.000	5 400 000
2	Thành viên HDQT	04	23.000.000	4 600 000
3	Trưởng BKS	01	23.000.000	4 600 000
4	Thành viên BKS	02	23.000.000	4 600 000

### 2.2- Kế hoạch tiền lương của viên chức quản lý năm 2021.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương 1 tháng theo QĐ số 1387/QĐ-TKV (Tr.đ)	Hệ số đ.c CV số 6118/TKV-KH	Mức lương 1 tháng sau điều chỉnh hệ số (Tr.đ)	Số tháng	Tổng tiền lương năm 2021 (Tr.đ)
1	Giám đốc	01	26	1,5	39,0	12	468
2	Phó Giám đốc	04	23	1,5	34,5	12	1.656
3	Kế toán trưởng	01	21	1,5	31,5	12	378
	<b>Tổng cộng</b>						<b>2.502</b>

Phương thức chi trả thù lao và tiền lương: Hằng quý hoặc 6 tháng các thành viên HDQT, BKS, Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao; hằng tháng người quản lý được tạm ứng 80% tiền lương của tháng đó; Số tiền thù lao và tiền lương còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HDQT, BKS và người quản lý Công ty.

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) Phản thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương của các thành viên HDQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2020; kế hoạch thù lao, tiền lương của các thành viên HDQT, BKS, các viên chức quản lý năm 2021.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung thứ 5. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021.**

Sau khi nghe ông Trương Ngọc Linh - Thành viên HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021. Nội dung chính:

- Năm 2020, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp để ban hành các Nghị quyết, quyết định làm cơ sở Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý tổ chức chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD, đầu tư của Công ty nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD đã được Đại hội năm 2020 biểu quyết thông qua.

- Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021.

- Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản khác có liên quan; tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy, HĐQT và Giám đốc điều hành, để tạo sự đồng thuận vì lợi ích Công ty, lợi ích của cổ đông trên các mặt hoạt động của Công ty.

- Về kiện toàn cơ cấu HĐQT: Trong năm 2019, 2020, Quốc hội và Chính phủ ban hành một số văn bản pháp luật có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, trong đó đề cập đến thành viên độc lập hội đồng quản trị (*tại Khoản 2 điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 41 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14; Điều 276, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ*), theo đó cơ cấu HĐQT Công ty CP than Hà Lâm -Vinacomin như hiện nay phải có một thành viên độc lập HĐQT.

Tuy nhiên, hiện nay HĐQT của Công ty đã được bầu và đang hoạt động ở nhiệm kỳ 2018-2023, thời gian chuẩn bị gấp chưa tìm được ứng viên đủ tiêu chuẩn cho chức danh thành viên độc lập HĐQT theo quy định. Vì vậy, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2021 ủy quyền cho HĐQT công ty sớm kiện toàn chức danh thành viên độc lập HĐQT trong năm 2021 theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty trong kỳ Đại hội tới.

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) **Phản thảo luận:**

- Ý kiến phát biểu: Không

b) **Nội dung:** Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021 và ủy quyền cho HĐQT công ty sớm kiện toàn chức danh thành viên độc lập HĐQT trong năm 2021 theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty trong kỳ Đại hội tới

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*



- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu
- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu
- Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung thứ 6. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020**

Sau khi nghe ông Nguyễn Văn Tấn – Trưởng BKS trình bày Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020. Nội dung chính:

- BKS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Kế toán trưởng thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các Nghị quyết, ý kiến chỉ đạo của HĐQT.

- Duy trì mối quan hệ phối hợp giữa HĐQT, Ban Giám đốc và BKS.

- HĐQT, Ban Giám đốc điều hành hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020.

\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung thứ 7. Thông qua báo cáo thẩm định kết quả SXKD; báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.**

Sau khi nghe ông Nguyễn Văn Tấn – Trưởng BKS báo cáo thẩm định kết quả SXKD; báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a) Thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo thẩm định kết quả SXKD; Báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

\* Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
  - Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu
  - Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu
- Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung thứ 8. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty**

Sau khi nghe ông Nguyễn Văn Tấn – Trưởng BKS trình bày nội dung Tờ trình của BKS đề xuất, kiến nghị Đại hội lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Nội dung chính:

- Đề xuất và kiến nghị của BKS với Đại hội: Lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định.

- Công ty TNHH PKF Việt Nam. PKF Việt Nam cũng là Công ty kiểm toán luôn được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán hàng năm. Có kinh nghiệm kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam từ năm 2009 đến nay.

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) Thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty là Công ty TNHH PKF Việt Nam – địa chỉ Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;

Trong trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trên về tiền độ và mức phí kiểm toán, đề nghị giao cho Giám đốc báo cáo HĐQT công ty lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính và Ủy ban CKNN chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán hàng năm.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

**Nội dung thứ 9. Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty**

Sau khi nghe ông Phạm Công Hương – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình



đề nghị Đại hội thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; kết cấu của Điều lệ gồm 21 chương, 62 điều;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, HĐQT công ty đã chỉ đạo soạn dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty (Nội dung chi tiết đã được đăng tải trên Website của Công ty và gửi trong tập tài liệu họp Đại hội);

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết quyết định thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

#### **Nội dung thứ 10. Thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị**

Sau khi nghe ông Phạm Công Hương – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình đề nghị Đại hội thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị công ty. Kết cấu của Quy chế gồm 3 chương, 7 điều.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, HĐQT công ty đã chỉ đạo soạn dự thảo Quy chế Nội bộ về quản trị công ty (Nội dung chi tiết đã được đăng tải trên Website của Công ty và gửi trong tập tài liệu họp Đại hội).

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) Phần thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết quyết định thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị công ty gồm 3 chương, 7 điều.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
  - Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu
  - Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu
- Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

#### **Nội dung thứ 11. Thông qua Quy chế hoạt động HĐQT Công ty**

Sau khi nghe ông Phạm Công Hương – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình đề nghị Đại hội thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Kết cấu của quy chế gồm 7 chương, 24 điều

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, HĐQT công ty đã chỉ đạo soạn dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty (Nội dung chi tiết đã được đăng tải trên Website của Công ty và gửi trong tập tài liệu họp Đại hội);

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) Thảo luận:

- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết quyết định thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

#### **Nội dung thứ 12. Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty**

Sau khi nghe ông Phạm Công Hương – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình đề nghị Đại hội thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty. Kết cấu của quy chế gồm 7 chương, 22 điều.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Ban kiểm soát công ty đã chỉ đạo soạn dự thảo Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty (Nội dung chi tiết đã được đăng tải trên Website của Công ty và gửi trong tập tài liệu họp Đại hội);

*\* Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:*

a) Thảo luận:



- Ý kiến phát biểu: Không

b) Nội dung: Đại hội biểu quyết quyết định thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty;

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

#### **IV/ THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI.**

1. Ông Phạm Văn Tác - Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết đại hội.

2. Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tọa xin ý kiến đại hội về dự thảo biên bản và Nghị quyết đại hội: Các cổ đông và người đại diện dự họp Đại hội không có ý kiến sửa đổi, bổ sung vào dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

(i) Đại hội biểu quyết quyết định thông Biên bản Đại hội.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

(ii) Đại hội biểu quyết quyết định thông Nghị quyết Đại hội.

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ 49 phiếu

- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ 0 phiếu

*\* Kết quả biểu quyết:*

- Tổng số phiếu tán thành: 49 phiếu đại diện cho 19 877 925 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 0 phiếu

→ Nội dung này được thông qua với tỷ lệ 100%

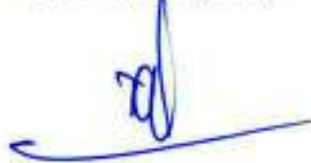
3. Bế mạc Đại hội:

Ông Nguyễn Trọng Tốt- Chủ tọa Đại hội, thay mặt Đại hội thực hiện nghi thức, tuyên bố bế mạc Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin kết thúc hồi 11h30' cùng ngày.

(Đính kèm Biên bản này là các báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội. Biên bản này được đăng tải trên Website của Công ty, địa chỉ truy cập <http://halamcoal.com.vn> và Công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong thời hạn 24h, kể từ khi bế mạc Đại hội).

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Phạm Văn Tác**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỌA**



**Nguyễn Trọng Tốt**  
**CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông (tiếp cận tại Website của Công ty);
- UB CKNN; Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BKS (Portal);
- Đảng ủy, BCHCD, ĐTN (Portal);
- Ban Giám đốc, cán bộ quản lý khác (Portal);
- Phòng CV CBTT trên thị trường chứng khoán và đăng Website của Công ty);
- Lưu VT, TKCTy, Hồ sơ Đại hội.



Số.....751.....BC-HLC

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

## BÁO CÁO

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 Kế hoạch SXKD và đề xuất mức cố tức năm 2021

#### I. TÌNH HÌNH CHUNG

##### 1. Thuận lợi cơ bản

- Chuẩn bị đủ diện sản xuất và các nguồn lực phục vụ cho sản xuất của năm 2020; các cán bộ điều hành đều trưởng thành từ Công ty, nên nắm rõ đặc điểm, tình hình của Công ty trên các mặt để đề ra các giải pháp thực hiện có hiệu quả; mối quan hệ phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy với điều hành luôn có sự đồng thuận; mối quan hệ giữa điều hành với các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh...được phát huy; lực lượng lao động công nghệ có kinh nghiệm và tay nghề; bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), chính quyền địa phương và các lực lượng đóng trên địa bàn nhằm góp phần bảo đảm an ninh trật tự doanh nghiệp...

##### 2. Khó khăn cơ bản

- Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã xuất hiện và bùng phát trên phạm vi rộng, ảnh hưởng tiêu cực đến các ngành kinh tế và đời sống, kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn cầu. Trong hoàn cảnh đó, Công ty vừa thực hiện phòng, chống dịch Covid -19 vừa tổ chức sản xuất.

- Lò chợ cơ giới hóa 7-3 via 7 có hiện tượng xuất khí CO tràn từ khu vực khai thác cũ sang (lò chợ 7-2) từ tháng 4/2020 -/- 6/2020 phải thực hiện các biện pháp xử lý nên sản lượng giảm, đồng thời từ đầu năm đến tháng 9/2020 lò chợ cắt đá từ dân 20 -/- 102, chiều cao cắt đá từ 1 -/- 3m, phải khoan nổ mìn mặt gương nên tiến độ chậm, sản lượng thấp thực hiện thấp hơn kế hoạch (thực hiện 1,6 triệu tấn/ 1,8 triệu tấn);

#### II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020.

##### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 về một số chỉ tiêu chủ yếu.

TT	TÊN CHỈ TIÊU	DVT	KH NĂM 2020 (CV6326)	KH NĂM ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	SỐ SÁNH %	
						TH/KH	TH/KH ĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai khai thác	Tấn	2 685 000	2 680 000	2 679 158	99,78	99,97
	- Than lộ thiên	"	285 000	300 000	299 960	105,25	99,99
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 380 000	2 379 198	99,13	99,97

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020 (CV6326)	KH NĂM ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KH ĐC
2	Đất bóc CBSX	1000 m <sup>3</sup>	480	642	659	137,23	102,60
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 500	9 502	100,02	100,02
4	Than tiêu thụ	Tấn	2 686 000	2 470 000	2 527 886	94,11	102,34
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 871 880	2 697 282	2 703 883	94,77	100,20
6	Lợi nhuận	"	43 367	43 367	43.383	100,03	100,03
7	Lợi nhuận sau thuế	"			42 551		
8	Lao động bình quân	Người	3 056	3 056	3 086	100,98	100,98
9	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15 212	15 212	16 2 26	106,66	106,66

## 2. Công tác đầu tư

### 2.1- Thực hiện đầu tư năm 2020:

Công ty được TKV giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 tại văn bản số 4808/TKV-ĐT ngày 06/10/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) v/v: Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2020 điều chỉnh. Trên cơ sở kế hoạch được giao Công ty thực hiện được như sau:

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung công việc	KH 2020	KH 2020 (Điều chỉnh)	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>316.579</b>	<b>266.467</b>	<b>238.569</b>	<b>90%</b>
<b>I</b>	<b>Trả nợ khối lượng năm trước</b>	<b>4.800</b>	<b>3.800</b>	<b>3.800</b>	<b>100%</b>
<b>II</b>	<b>Kế hoạch thực hiện</b>	<b>278.610</b>	<b>262.667</b>	<b>234.769</b>	<b>90%</b>
1	Xây lắp	18.722	17.301	15.749	91%
2	Chi phí thiết bị	252.767	240.492	216.778	90%
3	Chi phí tư vấn và chi phí khác	7.121	4.874	2.242	46%
<b>II</b>	<b>Dự Phòng</b>	<b>33.169</b>			

Kết quả thực hiện đầu tư đạt 90% vì: Trong năm kế hoạch, Công ty thực hiện đấu thầu các hạng mục đầu tư trong năm, trong đó có 05 gói thầu không có nhà thầu đáp ứng các yêu cầu của HSMT, Công ty phải tổ chức đấu thầu lại theo quy định.

Trong năm 2020, hoạt động đầu tư thực hiện đúng quy định của pháp luật về luật chuyên ngành và pháp luật về đấu thầu, quy chế Đầu tư xây dựng của Công ty. Quá trình thực hiện, Công ty đã lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. Do đó, các công trình trọng điểm được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, đưa vào sử dụng, góp phần tích cực vào kết quả SXKD của Công ty.



2.2- Quyết toán dự án hoàn thành: Sau khi hoàn thành Dự án Đầu tư khai thác phần dưới mức -50- Mỏ Than Hà Lâm- Công ty than Hà Lâm (điều chỉnh): Công ty thực hiện lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Báo cáo quyết toán; Báo cáo Kiểm toán; Báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Trên cơ sở các báo cáo của các nhà thầu tư vấn và đề nghị của Chủ đầu tư, ngày 18/9/2020, HĐQT họp và Phê duyệt quyết toán đối với Dự án:

- Dự án có tổng dự toán **6.094.316.378.382 đ** (Sáu nghìn, không trăm chín mươi tư tỷ, ba trăm mười sáu triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng)

- Giá trị quyết toán: **4.667.281.847.588 đ** (Bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng).

Như vậy, giá trị quyết toán dự án giảm so với dự toán **1.427.034.530.794 đ** (Một nghìn, bốn trăm hai mươi bảy tỷ, không trăm ba mươi tư triệu, năm trăm ba mươi nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng).

### **3. Công tác quản trị chi phí, giá thành**

Thực hiện nội dung Nghị quyết số 59-NQ/ĐU ngày 03/01/2020 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn và Chỉ thị số 123/CT-TKV ngày 13/6/2017 của Tổng giám đốc Tập đoàn về chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2017 - 2020. Công ty đã ban hành quyết định các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 tại Quyết định số 290/QĐ-HLC ngày 16/01/2020 đồng thời ban hành chương trình hành động tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, vốn, tài sản và lao động năm 2020 tại Quyết định số 1194/QĐ-HLC ngày 12/3/2020.

Công tác quản trị chi phí giá thành đã được gắn liền với tiết kiệm chi phí, có kiểm soát và được triển khai đồng bộ từ Công ty đến các công trường, phân xưởng; Trong đó đã đề ra phương án thực hành tiết kiệm như: tiết kiệm nhiên liệu, động lực, thép chống lò và ray thu hồi, chi phí sửa chữa thiết bị và phát huy các sáng kiến hợp lý hoá sản xuất... Công ty đã và đang từng bước khắc phục những hạn chế, tích cực đẩy mạnh công tác quản trị chi phí - khoán chi phí của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

Bám sát và thực hiện tốt Quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong Tập đoàn các Công ty TKV (Quyết định số: 212/QĐ-TKV ngày 12/02/2019), Công ty chủ động xây dựng và ban hành chương trình tiết kiệm chống lãng phí để triển khai thực hiện. Trong năm 2020, công tác quản trị chi phí ngày càng chặt chẽ hơn, góp phần hoàn thành lợi nhuận, tiết kiệm được chi phí khoán > 16,0 tỷ đồng.

Kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định về công tác quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật, lao động tiền lương; quy chế, quy định về công tác đầu thầu, mua sắm và quản lý sử dụng vật tư, thiết bị... theo quy định và đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất, qua các đợt kiểm tra được TKV đánh giá ghi nhận.

Thực hiện tốt công tác tái sử dụng vật tư, thiết bị thu hồi. Giá trị vật tư thu hồi sử dụng lại > 12 tỷ đồng. Định kỳ quyết toán rà soát yếu tố chi phí tăng cao, phân tích khoản mục chi phí phát sinh, kiểm soát tài chính, giá thành theo tháng để chấn chỉnh kịp thời. Bám sát chỉ đạo điều hành của TKV để xây dựng các phương án điều hành SXKD linh hoạt phù hợp với từng thời điểm cụ thể đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty. Kiểm soát tốt tồn kho vật tư, tỷ lệ tồn kho vật tư 4,3% giảm 1,7% so với quy định của TKV.

**4. Cơ giới hóa, áp dụng tin học hóa, tự động hóa và điều hành một số công tác cơ bản.**





- Duy trì và mở rộng áp dụng cơ giới hóa các khâu đào lò, vận chuyển người và vật tư góp phần tăng năng suất lao động; xây dựng phương án khai thác hợp lý đối với lò chợ CGH trong điều kiện khó khăn do khách quan; thử nghiệm thành công hệ thống monoray treo trên vi chống neo cáp để vận chuyển vật liệu trên các đường lò chống neo;

- Triển khai các công tác kiểm tra, thử năng lực hầm bom, máy phát trong toàn Công ty phục vụ công tác phòng chống mưa bão; thi công lắp đặt hoàn thiện công trình hầm chờ người và ga đưa đón CBCN tại chân giếng phụ mức -300 (công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ Than Quảng Ninh lần thứ V, nhiệm kỳ 2020 - 2025); cải tạo, thi công lắp đặt hoàn thiện hệ thống ga song loan số 5 mức -300 phục vụ công tác vận chuyển người; củng cố đường hơi, đường nước, bảo dưỡng các thiết bị trong Công ty; Thay thế hệ thống lót cáp tang tời JKMD3,5x4 giếng chính, giếng phụ; Thay thế hệ thống ray dẫn hướng giếng phụ.

- Lắp đặt hoàn thiện toàn bộ hệ thống thiết bị điều khiển tập trung sử dụng tổ hợp cầu dao 4 lộ cho các lò chợ giá xích trong toàn Công ty; lắp đặt hoàn thiện hệ thống tời hỗ trợ người đi bộ JYKY55 phục vụ vận tải người tại lò TG-VCVL mức -290 -/-220 Khu III - Via 10; lắp đặt trạm kiểm soát thân nhiệt tự động để kiểm soát thân nhiệt cán bộ công nhân ra vào khai trường sản xuất; tiếp tục triển khai đầu tư hệ thống giám sát an toàn cho thông tin mạng và SCADA

## **5. Tái cơ cấu về tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực.**

### **5.1- Tái cơ cấu về tổ chức**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tại Tờ trình số 44/TTr-HĐQT ngày 19/4/2018 Công ty trình Đại hội về tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020. Theo đó, đến hết năm 2020 Công ty còn 14 phòng, 01 ban, 20 công trường, phân xưởng. Nội dung tái cơ cấu về tổ chức đã được Đại hội thông qua.

Thực hiện Nghị quyết đại hội năm 2018, trong năm 2018 và 2019 Công ty từng bước sắp xếp lại tổ chức, năm 2020 Công ty tiếp tục hợp nhất Phòng Thanh tra - pháp chế - kiểm toán nội bộ và Phòng Bảo vệ Quân sự để thành lập Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ; Sáp nhập Phân xưởng khai thác lộ thiên với Phân xưởng Ô tô và đổi tên thành PX Vận tải Cơ giới; Chuyển trạm Y tế Công ty về trực thuộc phòng Tổ chức lao động; Chuyển mô hình hoạt động của Nhà nghỉ Sao Biển về trực thuộc Văn phòng Công ty. Đến nay mô hình tổ chức sản xuất Công ty gồm: 14 phòng, 01 Ban QLDA và 20 công trường, phân xưởng theo đúng Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2018.

### **5.2 - Đào tạo nguồn nhân lực.**

Để có đủ lao động công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty, năm 2020 Công ty thực hiện đào tạo và tuyển sinh như sau:

- Gửi đào tạo cán bộ tại Trung Quốc, Ba Lan để tiếp cận công nghệ mới.  
- Triển khai bồi dưỡng kiến thức cho công nhân dân tộc thiểu số và đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho công nhân tuyển mới, học sinh thực tập theo nội dung đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề tương ứng bậc 2/5 của nghề đào tạo.

- Tuyển sinh 428/ 400 người = 107% KH, trong đó: Học nghề khai thác lò: 396/ 380 người = 104,2%; Học nghề cơ điện lò: 32/ 20 người = 160%.

- Tiếp tục phối hợp với các trường đào tạo nghề thành lập đoàn đi đến các địa bàn tuyển sinh để tuyên truyền, phổ biến các chính sách, chế độ nhằm thu hút lao động.

**6. Công tác khác:** Ngoài kết quả SXKD và các mặt hoạt động nêu trên, Công ty thực hiện thanh tra, kiểm toán nội bộ nhằm phòng ngừa rủi ro trong doanh



nghiệp; thực hiện các quy định của pháp luật về công tác kế toán- tài chính -thống kê; tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Công ty; kiểm soát thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường; phối hợp với chính quyền và một số cơ quan đóng trên địa bàn tham gia bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản và ranh giới mỏ; từng bước cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; thanh toán trả cổ tức cho các cổ đông đúng trong thời hạn luật định...

## Phần II

### KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021 VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH

#### I. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

##### 1. Một số chỉ tiêu chủ yếu.

TT	CHỈ TIÊU	DVT	KẾ HOẠCH NĂM 2021
1	Than nguyên khai khai thác	1000Tấn	2.350
	- Than lộ thiên	"	
	- Than hầm lò	"	2.350
	+ Trong đó than lò chợ CGH:	"	
2	Đất CBSX	1000 m3	
3	Mét lò CBSX	"	10.280
4	Than tiêu thụ	1000Tấn	2.453
5	Doanh thu than	Tr.đồng	3.001.136
6	Lợi nhuận sản xuất than	"	43.178
7	Lao động bình quân	Người	3.321
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15.231



##### 2. Kế hoạch đầu tư xây dựng và các công trình trọng điểm năm 2021

###### 2.1- Kế hoạch đầu tư xây dựng.

TT	KẾ HOẠCH NĂM 2021	Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư		
			Xây dựng	Thiết bị	Khác
	<b>Tổng số (A + B+C)</b>	<b>145.498</b>	<b>13.548</b>	<b>127.964</b>	<b>3.986</b>
A	Trả nợ khối lượng năm trước	-			
B	<b>Kế hoạch năm 2021</b>	<b>79.408</b>	<b>5.548</b>	<b>69.874</b>	<b>3.986</b>
I	Công trình chuyển tiếp	77.059	5.548	69.874	1.637
II	Công trình khởi công mới	-			
III	Chuẩn bị dự án	2.349			2.349
C	Dự phòng	66.090	8.000	58.090	

2.2- Các công trình trọng điểm. Năm 2021, Công ty tổ chức thực hiện 8 công trình trọng điểm sau:



- Chuyển điện lò chợ Cơ giới hóa công suất 600.000 tấn/năm từ lò chợ Cơ giới hóa 10-2 Khu III via 10 sang lò chợ CGH 10-3 Khu III - Via 10 xong trong tháng 12/2021.

- Cải tạo hoàn thiện tuyến lò TG, TN khu vực từ cửa lò mức +70 xuống mức -150 Khu VI - Via 10, kết nối xuống mức -300 để đảm bảo điều kiện thông gió, thoát nước tự chảy trong khu vực.

- Lắp đặt hoàn thiện tuyến tời chờ người dạng ngòi tại lò TG-VCVL mức -290-:-150 Khu II - Via 11 phục vụ vận chuyển người từ mức -300 lên khu vực CT: KT1, KT8 và mức -150 xong trong quý III/2021.

- Lắp đặt hoàn thiện tuyến tời trục + monoray tại lò TG-VCVL mức -280 -:- -200 Khu III - Via 11 phục vụ vận chuyển vật liệu và thiết bị từ mức -300 lên Khu III - Via 11 và ngược lại. Xong trong quý I/2021.

- Hoàn thiện tuyến băng tải B-1200 Khu I - Via 7 vận tải than lò chợ CGH 7-2.2 via 7 công suất 1,2 triệu tấn/năm (bao gồm 02 tuyến băng tải B-1200 tại lò VT mức -300, lò VT mức -270 -:- -130 Khu I - Via 7).

- Hoàn thiện ga song loan mức -300 Khu II - Via 10 phục vụ công tác vận chuyển người và vật liệu từ giếng phụ vào Khu II - Via 10 và Khu III - Via 10 mức -300.

- Tập trung thực hiện các công trình PCTT & TKCN năm 2021 đảm bảo an toàn cho sản xuất trên mặt bằng và dưới hầm lò trong mùa mưa bão năm 2021.

- Xây dựng kế hoạch triển khai các bước để cấp chứng nhận ISO 45001:2018 về quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

## **II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ CỐ BẢN**

- Thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quản lý doanh nghiệp nhà nước; các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, các quy chế, quy định của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tăng cường quản lý công tác An toàn – vệ sinh lao động, nâng cao hiệu quả mạng lưới an toàn viên, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để xảy ra tai nạn; thực hiện phòng, chống dịch Covid-19.

- Bám sát kế hoạch để điều hành sản xuất ổn định, tranh thủ thời tiết thuận lợi ngay từ đầu năm, phần đầu đảm bảo sản lượng than khai thác, đào lò từng tháng, quý.

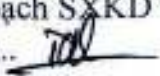
- Nâng cao tính sát thực của giải pháp, thực hiện đầy đủ các bước khảo sát hiện trường, trao đổi với đơn vị trước khi lập thiết kế. Chủ động sắp xếp các công việc để lập các giải pháp phục vụ sản xuất kịp thời, hiệu quả, kiểm tra nhằm hoàn thiện các khâu thiết kế công nghệ đảm bảo yêu cầu sản xuất, kịp thời phát hiện các nguy cơ gây mất an toàn để có giải pháp khắc phục ngay đảm bảo an toàn.

- Bám sát sản xuất, xây dựng phương án chuẩn bị đầy đủ diện đào lò, lò chợ gỏi đầu cho các công trường... tiêu thụ than đảm bảo kế hoạch ngay từ đầu năm; lập tiến độ giao than, kiểm điểm, rút kinh nghiệm hàng ngày, hàng ca;

- Nghiên cứu kỹ kế hoạch giao sản lượng, kế hoạch giao khoán chi phí, năng suất lao động để chủ động cân đối, lập kế hoạch sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí; bố trí lao động và thiết bị ngày một hợp lý hơn, góp phần tăng thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích sử dụng vật tư, thiết bị thu hồi để tiết giảm chi phí.



Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD và đề xuất mức  
cổ tức năm 2021 của Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin.. 

**Nơi nhận :**

- Cổ đông (Website Công ty);
- Phòng CV (đăng Website và CBTT)
- UBCKNN ; Sở GDCK Hà Nội ;
- Lưu Hồ sơ Đại hội.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



  
Vũ Ngọc Thắng



Số: **33**/BC-HDQT

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin.*

Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về tóm tắt các số liệu chủ yếu của Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và phát hành kết quả tại báo cáo kiểm toán BCTC số: 53/2021/BCKT-PKF.VPC ngày 21/3/2021.

**Phần thứ nhất**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT**

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>T T</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>884.721.939.853</b>	<b>172.016.690.740</b>
1	- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.750.530.534	2.845.548.066
2	- Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	- Các khoản phải thu ngắn hạn	446.681.794.391	15.177.968.953
4	- Hàng tồn kho	399.086.644.324	119.124.877.542
5	- Tài sản ngắn hạn khác	36.202.970.604	34.868.296.179
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>2.653.325.233.699</b>	<b>3.076.640.912.301</b>
1	- Các khoản phải thu dài hạn	35.857.479.235	36.293.763.400
2	- Tài sản cố định	2.327.772.910.690	2.661.291.142.778
3	- Tài sản dở dang dài hạn	69.197.837.791	4.999.246.043
4	- Tài sản dài hạn khác	220.497.005.983	374.056.760.080
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>3.538.047.173.552</b>	<b>3.248.657.603.041</b>
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>3.222.443.153.709</b>	<b>2.955.445.956.143</b>
1	- Nợ ngắn hạn	1.027.767.262.509	829.835.099.775
2	- Nợ dài hạn	2.194.675.891.200	2.125.610.856.368
<b>IV</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>315.604.019.843</b>	<b>293.211.646.898</b>
1	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>315.604.019.843</b>	<b>293.211.646.898</b>

*Phan NG*





T T	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	254.151.990.000	254.151.990.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Quỹ đầu tư phát triển	18.900.919.202	18.900.919.202
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.551.110.641	20.158.737.696
2	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.538.047.173.552</b>	<b>3.248.657.603.041</b>

**Phần thứ hai**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và CC DV	2.721.616.087.609	3.155.001.951.029
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Doanh thu thuần ( 10 = 01-02)	2.721.616.087.609	3.155.001.951.029
4- Giá vốn hàng bán	2.206.761.892.109	2.675.052.431.147
5- Lợi nhuận gộp (20=10-11)	514.854.195.500	479.949.519.882
6- Doanh thu hoạt động tài chính	983.553.757	953.287.855
7- Chi phí tài chính	243.675.743.289	251.430.429.994
- Trong đó: Chi phí lãi vay	221.540.455.618	251.426.801.440
8- Chi phí bán hàng	7.019.727.364	30.226.987.116
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	136.453.486.217	107.760.628.208
10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24-25)	128.688.792.387	91.484.762.419
11- Thu nhập khác	2.894.902.040	513.329.562
12- Chi phí khác	88.200.214.085	12.650.420.918
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	-85.305.312.045	-12.137.091.356

010163  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NHÀ L  
JACOMI

*Fluor*

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	43.383.480.342	79.347.671.063
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	832.369.701	59.188.933.367
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	42.551.110.641	20.158.737.696
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	600	600

**Phần thứ ba**  
**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	75	95
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	25	5
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	91	91
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	9	9
3	<b>Khả năng thanh toán (lần)</b>		
	- Khả năng thanh toán hiện thời	0.86	0.21
	- Khả năng thanh toán nhanh	0.47	0.06
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1.56	0.64
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	1.20	0.62
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	13.48	6.88
5	<b>Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (lần)</b>	10.21	10.01

Hội đồng quản trị Công ty CP Than Hà Lâm báo cáo đại hội./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV (CBTT, và đăng trên Website);
- Lưu: HĐQT.



Vũ Ngọc Thăng





Số: 34/TT-HDQT

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2020**

Kính gửi: Quý cổ đông


*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty;*

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin;

Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty như sau:

- Lợi nhuận trước thuế :	43.383 Tr.đồng
- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:	832 Tr.đồng
- Lợi nhuận còn lại sau thuế	42.551 Tr.đồng
+ <i>Trả cổ tức (6%)/Vốn Điều lệ</i>	<i>15.249 Tr.đồng</i>
+ <i>Trích quỹ thưởng viên chức quản lý (1,5 tháng lương):</i>	<i>334 Tr.đồng</i>
+ <i>Số còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:</i>	<i>26.968 Tr.đồng</i>

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thảo luận thông qua. 

*Nơi nhận:*

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HDQT, BKS;
- Ban Giám đốc; Kế toán trưởng;
- Phòng CV (Công bố TT)
- Lưu: VT, Thư ký C.Ty.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM-VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **35**/BC-HDQT

Hà Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Về việc chi trả thù lao HDQT, BKS; tiền lương**  
**của viên chức quản lý Công ty năm 2020**  
**và kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 của Quốc hội.  
Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin;  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020;  
Căn cứ kết quả SXKD và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HDQT,  
thành viên BKS và viên chức quản lý Công ty năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc thực hiện chi trả thù lao cho HDQT, BKS và tiền lương của các viên chức quản lý năm 2020 và kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2021 như sau:

**I. THỰC HIỆN NĂM 2020**

**1- Tổng mức thù lao và thực hiện chi trả thù lao cho HDQT và BKS năm 2020.**

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (đ)	Đã chi 80% (đ)	Còn lại 20% (đ)	Ghi chú
1	Hội đồng Quản trị	5	281.000.000	224.800.000	56.200.000	20% còn lại sẽ chi trả năm 2021
2	Ban kiểm soát	3	165.600.000	132.480.000	33.120.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>446.600.000</b>	<b>357.280.000</b>	<b>89.320.000</b>	

\* Mức thù lao và việc chi trả thù lao cho HDQT và BKS thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

**2 - Tổng mức tiền lương và thực hiện chi trả tiền lương cho Ban Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2020**

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (đ)	Đã chi (đ)
1	Giám đốc	01	471.794.833	471.794.833
2	Phó Giám đốc	05	1.820.140.110	1.820.140.110
2	Kế toán trưởng	1	381.065.057	381.065.057
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.673.000.000</b>	<b>2.673.000.000</b>

\* Trong năm 2020 Ban Giám đốc có sự thay đổi về số lượng: Từ ngày 01/01/2020, Công ty có 01 Giám đốc, 05 Phó Giám đốc; Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty có 01 Q.Giám đốc, 04 Phó Giám đốc vì: Ngày 01/6/2020 ông Trần Mạnh





Cường – Giám đốc Công ty thôi giữ chức vụ Giám đốc, HDQT giao Q. Giám đốc cho Phó Giám đốc Vũ Ngọc Thắng.

## II. KẾ HOẠCH NĂM 2021.

### 1- Kế hoạch thù lao HDQT, BKS năm 2021:

Căn cứ Quyết định 685/QĐ-TKV ngày 23/4/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc ban hành Quy chế quản lý lao động và tiền lương của TKV và Quyết định số 2338/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Hội đồng thành viên TKV về việc ban hành Quy chế quản lý Người đại diện TKV tại các doanh nghiệp. Theo đó, mức tiền thù lao cho thành viên HDQT, BKS kiêm nhiệm sẽ được quyết toán và hưởng tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của chức danh quản lý chuyên trách.

Căn cứ văn bản số 6118/TKV-KH ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tổng giám đốc TKV “V/v Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2021”.

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Kế hoạch thù lao của HDQT, BKS năm 2021 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Mức lương để tính thù lao (đ/người/tháng)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	2	3	4	5 = 4 x 20%
1	Chủ tịch HDQT	01	27.000.000	5 400 000
2	Thành viên HDQT	04	23.000.000	4 600 000
3	Trưởng BKS	01	23.000.000	4 600 000
4	Thành viên BKS	02	23.000.000	4 600 000

### 2- Kế hoạch tiền lương của viên chức quản lý năm 2021.

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tổng Giám đốc TKV ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV và hệ số điều chỉnh theo Công văn số 6118/TKV-KH ngày 23/12/2020 của TKV, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Kế hoạch tiền lương viên chức quản lý năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương 1 tháng theo QĐ số 1387/QĐ-TKV (Tr.đ)	Hệ số điều chỉnh CV số 6118/TKV-KH	Mức lương 1 tháng sau điều chỉnh hệ số (Tr.đ)	Số tháng	Tổng tiền lương năm 2021 (Tr.đ)
1	Giám đốc	01	26	1,5	39,0	12	468
2	Phó Giám đốc	04	23	1,5	34,5	12	1.656
3	Kế toán trưởng	01	21	1,5	31,5	12	378
	<b>Tổng cộng</b>						<b>2.502</b>

### Phương thức chi trả thù lao và tiền lương

Hàng quý hoặc 6 tháng các thành viên HDQT, BKS, Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao; hằng tháng người quản lý được tạm ứng 80% tiền lương của tháng đó; Số tiền thù lao và tiền lương còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HDQT, BKS và



người quản lý Công ty.

HDQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc; Kế TTr;
- Phòng CV (Công bố TT)
- Lưu: VT, Thư ký C.Ty.





Số: 36/BC-HĐQT

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

## BÁO CÁO

### Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, Phương hướng hoạt động năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây viết tắt là Đại hội) về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và chương trình, kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

#### Phần thứ nhất

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

#### I/ Quản trị về cơ cấu và hoạt động chung của HĐQT

##### 1. Quản trị về cơ cấu tổ chức quản lý

Hiện nay, Công ty thực hiện cơ cấu tổ chức: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Giám đốc điều hành theo điểm a- Khoản 1- Điều 134- Luật Doanh nghiệp năm 2014 (nay là điểm a- Khoản 1- Điều 137- Luật Doanh nghiệp năm 2020). Số lượng thành viên HĐQT: 05; số lượng thành viên BKS: 03 người.

(i) Biến động nhân sự của HĐQT: Tại Đại hội cổ đông năm 2020 tổ chức họp ngày 29/6/2020, đại hội chấp thuận miễn nhiệm ông Trần Mạnh Cường - Giám đốc điều hành thôi tham gia HĐQT để chuyển sang doanh nghiệp khác và bầu bổ sung ông Đinh Trung Kiên - Phó Giám đốc Công ty tham gia HĐQT. Việc miễn nhiệm và bầu bổ sung được báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

(ii) Về số lượng thành viên HĐQT tính đến ngày 31/12/2020, gồm:

- |                        |                 |  |
|------------------------|-----------------|--|
| 1 Ông Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT   | - Người đại diện phần vốn của Tập đoàn TKV |
| 2 Ông Phạm Công Hương  | Thành viên HĐQT | - Trưởng ban TKV                           |
| 3 Ông Vũ Ngọc Thắng    | Thành viên HĐQT | - Q.Giám đốc điều hành                     |
| 4 Ông Trương Ngọc Linh | Thành viên HĐQT | - Phó Giám đốc                             |
| 5 Ông Đinh Trung Kiên  | Thành viên HĐQT | - Phó Giám đốc                             |



Trong 05 thành viên HĐQT nêu trên, có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành của Công ty; 02 là thành viên HĐQT không điều hành, nên đảm bảo tính cơ cấu.

(iii) Biến động về Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ngày 28/5/2020 HĐQT họp Phiên 37 ra Nghị quyết: Cho ông Trần Mạnh Cường thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT và Giám đốc điều hành Công ty; Giao nhiệm vụ cho ông Vũ Ngọc Thăng- Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty giữ chức vụ Quyền Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty; Thời gian: kể từ ngày 01/6/2020. Việc thay đổi nêu trên, Công ty đã báo cáo và công bố thông tin trên trang điện tử của UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội, đồng thời đăng tải trên Website của Công ty đảm bảo thời gian luật định.

(iii) Về Ban kiểm soát: Năm 2020, không có biến động về nhân sự. Vì vậy, BKS duy trì đủ cơ cấu 03 thành viên.

(iv) Về cán bộ điều hành và cán bộ quản lý khác, có biến động như sau: 5 tháng đầu năm Công ty có 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc, 01 kế toán trưởng; 7 tháng cuối năm 2020 có 01 Quyền Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng.

## **2. Quản trị về hoạt động chung của HĐQT**

Để HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, ngày 08/5/2018 Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định số 55/QĐ-HĐQT để phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên. Đồng thời, Chủ tịch HĐQT xây dựng chương trình, kế hoạch số 05/CTr-HĐQT, ngày 19/02/2020 để thực hiện nhiệm, làm cơ sở cho việc tổ chức việc thực hiện chức năng giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

## **3. Quản trị Công ty thông qua hệ thống quy chế**

Để quản lý Công ty trên các mặt hoạt động cho phù hợp với quy định của pháp luật, Tập đoàn TKV và phù hợp với yêu cầu quản lý từng thời kỳ, năm 2020 HĐQT phê duyệt ban hành 05 quy chế, thông qua 02 Quy định để Giám đốc ký ban hành:

Ngoài các quy chế, quy định mới ban hành, trước năm 2020 Công ty đã ban hành 15 quy chế và 08 quy định đã và đang được áp dụng trong nội bộ Công ty

### **II/ Tổ chức hợp HĐQT và thù lao, tiền lương**

#### **1. Về số lượng phiên họp:**

Năm 2020, HĐQT tổ chức 24 Phiên họp, ban hành 25 Nghị quyết để quyết định phê duyệt, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, trong đó có các vấn đề cơ bản sau:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 và đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Phê duyệt 05 quy chế, giao thẩm định 02 quy chế (*Quy chế Thi đua - khen thưởng; Quản lý cán bộ; Thực hiện dân chủ; Công tác giao khoán, nghiệm thu quyết toán các công trình (do Công ty giao khoán nội bộ), Quy chế Quản lý Nợ*

- Phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch cán bộ chủ chốt giai đoạn 2016-2020 là 180 người; giai đoạn 2020-2025 là 220 người; Bổ nhiệm lại cán bộ cấp phòng, quản đốc và kéo dài thời hạn giữ chức vụ trưởng phòng, công tác tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 và các vấn đề khác về công tác cán bộ.



- Phê duyệt: Kế hoạch SXKD (một số chỉ tiêu chủ yếu); Kế hoạch ĐTXD năm 2020; định mức vay tín dụng ngắn hạn và chỉ tiêu tài chính năm 2020; định mức lao động, mức tiền lương, hệ số giãn cách; hệ thống thang bảng lương;

- Cho ý kiến chỉ đạo về một số nội dung hoạt động SXKD tháng, quý 6 tháng và năm 2020.

- Phê duyệt quyết toán dự án Nhóm A đối với Dự án Đầu tư khai thác phần dưới mức - 50, Mỏ Than Hà Lâm, Công ty than Hà Lâm (điều chỉnh): 4.667Tỷ đồng/ Tổng dự toán 6.094Tỷ đồng. Như vậy, giá trị quyết toán giảm so với dự toán 1.427Tỷ đồng.

Để chuẩn bị cho cuộc họp, HĐQT đều gửi trước các tài liệu cho các thành viên HĐQT, BKS. Đồng thời, mời các thành viên BKS dự họp và các phòng, ban liên quan cùng tham dự để làm rõ những nội dung HĐQT quan tâm trước khi biểu quyết thông qua hoặc phê duyệt.

Việc tổ chức họp HĐQT kịp thời, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo Điều lệ Công ty. Nội dung họp HĐQT đều thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận, thông qua hoặc phê duyệt các nội dung đảm bảo dân chủ, minh bạch đúng pháp luật và Điều lệ Công ty, các thành viên HĐQT thống nhất cao (100%) tán thành thông qua, phê duyệt làm cơ sở để Giám đốc triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện của HĐQT.

(Nội dung các Nghị quyết HĐQT đã phản ánh tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020, đã đăng tải trên Website của Công ty [halamcoal.com.vn](http://halamcoal.com.vn) và thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

## 2. Tỷ lệ số thành viên HĐQT dự họp năm 2020:

- Tổng số phiên họp: 24 phiên, ban hành 25 Nghị quyết

- Tỷ lệ thành viên HĐQT dự họp

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi dự họp HĐQT	Tỷ lệ dự họp (%)	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Trọng Tốt	24/24	100	
2	Phạm Công Hương	24/24	100	
3	Trần Mạnh Cường	7/24	29,0	Thôi TV.HĐQT ngày 01/6/2020, nên 6 tháng cuối năm không còn là TV HĐQT.
4	Trương Ngọc Linh	23/24	95,83	Công tác tại Lâm đồng theo chương trình của Tập đoàn TKV
5	Vũ Ngọc Thắng	24/24	100	
6	Đình Trung Kiên	11/24	45,83	- Bầu thành viên HĐQT (29/6/2020); - Vắng 01 (Phiên 52): Đi học LLCTCC.

## 3. Thù lao và tiền lương:

(i) Thù lao: Thù lao năm 2020, Công ty thực hiện theo mức và tạm chi theo đúng Nghị quyết đại hội năm 2020 theo 2 mức sau.

- Thù lao 1 tháng của thành viên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT :  $27.000.000 \text{ đ} \times 20\% = 5.400.000 \text{ đ}$

- Thù lao 1 tháng của từng thành viên HĐQT :  $23.000.000 \text{ đ} \times 20\% = 4.600.000 \text{ đ}$ .



Năm 2020, Công ty thực hiện tạm ứng 80% số tiền thù lao cho các thành viên, còn 20% chỉ sang năm 2021 trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên trong năm 2020.

(ii) Tiền lương: Các thành viên HĐQT của Công ty đều giữ chức vụ kiêm nhiệm, Do đó, Công ty không chi trả tiền lương giữ chức vụ thành viên HĐQT mà chỉ thù lao kiêm nhiệm theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020.

### **III/ Hoạt động phối hợp của HĐQT**

Trong quá trình hoạt động, HĐQT thường xuyên duy trì có hiệu quả mối quan hệ phối hợp lãnh đạo giữa HĐQT với Đảng ủy, Giám đốc theo Nghị quyết liên tịch.

Các phiên họp HĐQT năm 2020 đều có đại diện của Ban kiểm soát tham gia họp. Trong hoạt động phối hợp, các bên vẫn đảm bảo đúng vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định khác hiện hành.

### **IV/ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc**

#### **1. Giám sát thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020**

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu: Kết quả SXKD về một số chỉ tiêu chủ yếu, HĐQT đã đề cập trong Báo cáo SXKD báo cáo Đại hội.

- Các chỉ tiêu về bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty: Trong hoạt động điều hành các chỉ tiêu tài chính, Ban giám đốc cân đối, thu xếp tài chính hợp lý trong ĐTXD, mua sắm tài sản, cân đối nguồn vay, trả... nên trong năm 2020 không có nợ quá hạn, nợ khó đòi, bảo toàn vốn, các hệ số tài chính đều trong giới hạn an toàn về tài chính.

- Đánh giá chung về kết quả SXKD 2020: Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch đã được Đại hội năm 2019 thông qua.

- Công tác tái cơ cấu về tổ chức SXKD, tuyển dụng, quản lý lao động; trả lương và phân phối thu nhập cho người lao động

+ Về tái cơ cấu: Tại Đại hội cổ đông năm 2018, HĐQT đã báo cáo Đại hội về "Một số định hướng của Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 tại Tờ trình số 14/TTr-HĐQT, ngày 19/4/2018" theo Quyết định 500/QĐ-TKV trong đó có nội dung tái cơ cấu về tổ chức. Theo đó sau khi tái cơ cấu có tối đa 14 phòng, 01 Ban, 20 phân xưởng. Đến ngày 31/12/2020 Công ty đã hoàn thành công tác tái cơ cấu theo đúng Nghị quyết của Đại hội.

+ Về tuyển dụng, quản lý lao động, thanh toán tiền lương, phân phối thu nhập: Thực hiện theo Quy chế, quy định và hệ thống thang bảng lương của Công ty. Số tuyển dụng tập trung thợ lò; giảm lao động phục vụ phụ trợ và quản lý sau tái cơ cấu. Thu nhập bình quân thực hiện 16,2Tr.đồng/ KH 15,2 Tr.đồng/người/tháng.

#### **1.5. Công tác ĐTXD:**

- Trong năm 2020 Công ty thực hiện kế hoạch đầu tư được 238,56 Tỷ đồng/ 266,46 Tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch, trong đó bao gồm thực hiện các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới.

- Hoạt động ĐTXD thực hiện đúng quy định của pháp luật về luật chuyên ngành và pháp luật về đấu thầu, quy chế Đầu tư xây dựng của Công ty và các quy định, văn bản hướng dẫn của TKV.

- Chủ đầu tư trình HĐQT xét phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với DAĐT khai thác phân dưới mức -50 Mỏ than Hà Lâm- Công ty than Hà Lâm (đ.c) và đã được HĐQT phê duyệt.

#### **1.6. Về thanh toán cổ tức và Công bố thông tin.**



- Thanh toán cổ tức: Công ty thực hiện thanh toán cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo mức đã được Đại hội năm 2020 thông qua, đảm bảo thời gian theo quy định.

- Công bố thông tin: Công ty là Công ty đại chúng quy mô lớn, có cổ phần niêm yết. Vì vậy, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho 01 người thực hiện CBTT theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ để các cổ đông tiếp cận kịp thời.

### 1.7. Các mặt hoạt động khác

Ngoài các nội dung nêu trên, Công ty thực hiện tốt công tác AT-BHLĐ, số vụ tai nạn lao động và sự cố giám so với cùng kỳ, tăng cường các biện pháp PCTT-TKCN; phối kết hợp với chính quyền địa phương và các lực lượng đóng trên địa bàn tham gia bảo vệ ranh giới mỏ, bảo vệ tài nguyên, tài sản... thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động tập thể ...góp phần giữ vững an ninh trật tự doanh nghiệp. Đồng thời nghiêm túc thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, Bộ, Ngành về công tác phòng, chống dịch Covid-19.

## 2. Đánh giá về hoạt động của HĐQT.

### 2.1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT.

Năm 2020, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp để ban hành các Nghị quyết, quyết định làm cơ sở Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý tổ chức chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD, đầu tư của Công ty nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD, đầu tư đã được Đại hội năm 2020 biểu quyết thông qua.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HĐQT tăng cường các hoạt động giám sát, nhằm đảm bảo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020; Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được thực hiện theo đúng nội dung và tiến độ và cùng Giám đốc điều hành giải quyết những trở ngại phát sinh góp phần không gây ách tắc cho hoạt động SXKD của Công ty.

Trên cơ sở kế hoạch năm 2020 đã được đại hội thông qua, kết quả thực hiện KHSXKD năm 2020 và kết quả trên các mặt hoạt động của HĐQT, HĐQT tự đánh giá đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020.

2.2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT: Trên cơ sở kết quả hoạt động chung của HĐQT, kết quả SXKD năm 2020, Quy chế quản lý cán bộ và kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT được phân công tại Quyết định số 55/QĐ-HĐQT, ngày 08/5/2018. Tại cuộc họp nhận xét đánh giá cán bộ ngày 07/12/2020 thống nhất đánh giá các thành viên HĐQT "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020".

## 3. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

### 3.1. Đánh giá chung hoạt động của Giám đốc và các Phó Giám đốc.

Trên cơ sở kết quả giám sát, HĐQT đánh giá chung như sau:

(i) Đối với Giám đốc: Bám sát Nghị quyết đại hội cổ đông, Nghị quyết, quyết định, quy chế HĐQT ban hành, các văn bản pháp luật, văn bản của TKV có liên quan để tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ và hiệu quả; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực; Chủ động giải quyết, xử lý những phát sinh gây trở ngại cho việc thực hiện kế hoạch SXKD, trong đầu tư có trọng tâm trọng điểm...; phát huy năng lực của thiết bị cơ giới hóa trong khai thác, đào lò; khuyến khích tăng năng suất lao động, hạ giá thành; tổ chức sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tăng cường quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản trị tài nguyên, bảo vệ ranh giới...và phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp, tăng cường mối



quan hệ giữa Đảng ủy, HĐQT, BKS và các tổ chức trong công ty tạo nên sự đồng thuận, đoàn kết...

(ii) Đối với các phó Giám đốc: thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo từng lĩnh vực được Giám đốc phân công. Quá trình thực hiện, xử lý tình huống phát sinh một cách phù hợp, hiệu quả. Thực hiện và có sự phối kết hợp giữa các phó giám đốc phụ trách các mặt công tác, nên hoạt động điều hành của toàn Công ty thông suốt, không ách tắc, đạt tiến độ và hiệu quả.

3.2. Đánh giá hoạt động của Kế toán trưởng: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Kế toán; Năm 2020 Kế toán trưởng đã thực hiện quản lý tài chính, hạch toán chi phí sản xuất, chi phí đầu tư XDCB và các chế độ thu, chi khác kịp thời, đúng chế độ; bám sát kế hoạch SXKD để tham mưu thu xếp, huy động hợp lý nguồn vốn phục vụ các mặt hoạt động của Công ty; Lập Báo cáo tài chính năm 2020 kịp thời, đúng chế độ; Báo cáo tài chính sau kiểm toán không có khoản bị ngoại trừ.

\* *Đánh giá chung kết quả giám sát cán bộ quản lý của Công ty: Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của Giám đốc, các phó giám đốc, kế toán trưởng như đã nêu trên, căn cứ quy chế quản lý cán bộ và kết quả SXKD năm 2020 của Công ty, tại cuộc họp nhận xét đánh giá cán bộ ngày 07/12/2020 thống nhất đánh giá Giám đốc các Phó giám đốc và Kế toán trưởng "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020"*

## Phần thứ hai

### PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

#### 1. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2021, chiến lược phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2021 như sau:

1.1. Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản khác có liên quan.

1.2. Chỉ đạo Công ty tổ chức quán triệt những nội dung mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021. Đồng thời, chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế đảm bảo phù hợp với pháp luật và các quy chế của Tập đoàn CN Than- Khoáng sản Việt Nam.

1.3. Tổ chức thực hiện các nội dung đã được ĐHCĐTN năm 2021 thông qua.

1.4. Tăng cường giám sát hoạt động của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐTN năm 2020, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT... theo Chương trình, kế hoạch hoạt động số 05/CTr-HĐQT, ngày 21/01/2021 của HĐQT. Đồng thời chỉ đạo Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán theo hướng "Định hướng phòng ngừa rủi ro" trong doanh nghiệp.

1.5. Tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy, HĐQT và Giám đốc điều hành, để tạo sự đồng thuận vì lợi ích Công ty, lợi ích của cổ đông trên các mặt hoạt động của Công ty.

1.6. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi thấy cần thiết.



## 2. Về kiện toàn cơ cấu của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, 2020, Quốc hội và Chính phủ ban hành một số văn bản pháp luật có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, trong đó đề cập đến thành viên độc lập hội đồng quản trị (tại Khoản 2 điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 41 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14; Điều 276, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), theo đó cơ cấu HĐQT Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin như hiện nay phải có một thành viên độc lập HĐQT.

Tuy nhiên, hiện nay HĐQT của Công ty đã được bầu và đang hoạt động ở nhiệm kỳ 2018-2023, thời gian chuẩn bị gấp chưa tìm được ứng viên đủ tiêu chuẩn cho chức danh thành viên độc lập HĐQT theo quy định. Vì vậy, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2021 ủy quyền cho HĐQT công ty sớm kiện toàn chức danh thành viên độc lập HĐQT trong năm 2021 theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, báo cáo Đại hội đồng cổ đông công ty trong kỳ Đại hội tới.

Trên đây là nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021./.

(Kèm theo báo cáo này là biểu tổng hợp nội dung các Nghị quyết họp HĐQT năm 2020)

### Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- UBCK Nhà nước;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng CV (CBTT và đăng trên Website);
- Lưu: Hồ sơ đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt

**TỔNG HỢP****Nội dung các phiên họp HĐQT năm 2020***(Kèm theo Báo cáo số: 36/BC-HĐQT, ngày 26/4/2021 của HĐQT Công ty)*

TT	Số Nghị quyết	Ngày, tháng, năm	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	30/ K3/NQ- HĐQT	10/2/2020	(i) Nội dung họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (ii) Phân công nhiệm vụ - Phân công nhiệm vụ: Thành viên HĐQT giữ chức vụ Giám đốc điều hành thực hiện nhiệm vụ sau: + Lập dự thảo các báo cáo, tờ trình đại hội. + Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và người đại diện tham dự họp đại hội. + Chuẩn bị các điều kiện để họp đại hội. - Về ủy quyền: HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT duyệt các tài liệu báo cáo, trình đại hội.	100%
2	31/ K3/NQ- HĐQT	18/2/2020	(i) Thông qua kết quả rà soát quy hoạch các chức danh lãnh đạo Công ty giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 (ii) Xem xét phê duyệt KH lao động tiền lương năm 2020	100%
3	32/ K3/NQ- HĐQT	20/3/2020	(i) Thông qua cho ông Nguyễn Văn Hà – số thẻ 5730- Quản đốc Phân xưởng XD Môi trường- Phục vụ xin chấm dứt hợp đồng lao động, kể từ ngày 01/4/2020. (ii) Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Công ty (iii) Thông qua phê duyệt Định mức tín dụng ngắn hạn và một số chỉ tiêu tài chính năm 2020 của Công ty. - Định mức tín dụng ngắn hạn: 235.000 Triệu đồng - Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 0,52 lần - Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: 9,12 lần.	100%
4	33/ K3/NQ- HĐQT	30/3/2020	(i) Phê duyệt điều chỉnh, chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2020 chuyển bước từ mục dự phòng lên chính thức (công trình khởi công mới) đối với: (ii) Phê duyệt Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty (iii) Thông qua phê duyệt mức năng suất lao động, mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương giao khoản một số công việc chủ yếu năm 2020 (iv) Thông qua phê duyệt Công tác cán bộ (v) Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2019 để báo cáo Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam (vi) Về tổ chức họp ĐHCĐTN năm 2020	100%
5	34/ K3/NQ- HĐQT	07/4/2020	(i) Phê duyệt Quy hoạch cán bộ cấp trưởng phòng, phó phòng, quản đốc, phó quản đốc. HĐQT tán thành phê duyệt Danh sách Quy hoạch cán bộ cấp trưởng phòng, phó phòng, quản đốc, phó quản đốc - Danh sách quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020: 1 người. - Danh sách quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025: 230 người	100%
6	35/ K3/NQ- HĐQT	10/4/2020	(i) Xét bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty cho ông Cao Việt Phương (ii) Thông qua công tác tổ chức cán bộ (cho ông Phạm Văn Chuẩn –Trạm trưởng Trạm y tế) chấm dứt hợp đồng lao động (iii) Xét phê duyệt Quy chế Quản lý cán bộ (iv) Xét phê duyệt Quy chế Thực hiện dán chủ (v) Xét phê duyệt Quy chế Thi đua khen thưởng	100%



TT	Số Nghị quyết	Ngày, tháng, năm	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>(vi) Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: Thuê ngoài đảo lò chuẩn bị sản xuất khu I via 7</p> <p>(vii) Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: Thuê ngoài đảo lò chuẩn bị sản xuất khu III via 10 và khu III via 11</p> <p>(viii) Rà soát, kiểm điểm công tác chuẩn bị họp Đại hội đồng CDTN năm 2020.</p>	
7	36/ K3/NQ- HDQT	07/5/2020	<p>(i) Đánh giá kết quả SXKD tháng 4 năm 2020, KH SXKD tháng 5/2020 và công tác PCTT-TKCN năm 2020</p> <p>(ii) Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: Thuê ngoài chế biến than sạch từ nguồn đất đá lẫn than và bã sàng thải lẫn than năm 2020, 2021.</p> <p>(iii) Thông qua Định mức vật tư tiêu hao chủ yếu năm 2020</p> <p>(iv) Chưa phê duyệt Quy chế Quản lý công tác vật tư: Giao Giám đốc điều hành chỉ đạo Phòng Vật tư chủ trì nghiên cứu Quy chế để có các Quy định hướng dẫn, đồng thời tổng hợp báo cáo các vướng mắc không giải quyết được trong quá trình thực hiện, khi đó mới đề xuất các nội dung điều chỉnh Quy chế phù hợp với Quy chế và các văn bản hướng dẫn của TKV, nếu có nội dung vướng mắc phải báo cáo Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) để xin ý kiến.</p> <p>(v) Chưa phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50- Mỏ Than Hà Lâm-Công ty Than Hà Lâm (điều chỉnh) vì: Chưa được thẩm tra Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và tổ chức thuê thẩm tra báo cáo quyết toán.</p> <p>(vi) Cho ý kiến về Phương án khai thác hợp lý phần trữ lượng thuộc tầng mức -50 ÷ -300 và từ tầng mức -300 đến đáy tầng than mỏ Hà Lâm.</p>	100%
8	37/ K3/NQ- HDQT	28/5/2020	<p>(i) Hội đồng quản trị công ty chấp thuận nội dung đơn đề nghị của ông Trần Mạnh Cường thôi giữ chức vụ thành viên HDQT và chức vụ Giám đốc điều hành Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin kể từ ngày 01/6/2020.</p> <p>(ii) Hội đồng quản trị công ty chấp thuận ông Vũ Ngọc Thắng là Người đại diện của TKV, kể từ ngày 01/6/2020.</p> <p>(iii) Hội đồng quản trị công ty nhất trí thông qua việc giao ông Vũ Ngọc Thắng, Thành viên HDQT - Phó Giám đốc Công ty đảm nhận vị trí Quyền Giám đốc Công ty và là Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin, được quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, kể từ ngày 01/06/2020.</p> <p>(iv) Ông Vũ Ngọc Thắng nhận bàn giao công việc từ ông Trần Mạnh Cường theo quy định của pháp luật; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban lãnh đạo điều hành để phát huy năng lực nội bộ, chỉ đạo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của công ty.</p>	100%
9	38/ K3/NQ- HDQT	10/6/2020	<p>(i) Đánh giá kết quả SXKD tháng 5 năm 2020, KH SXKD tháng 6/2020</p> <p>(ii) Bổ nhiệm Giám đốc điều hành Mỏ - HDQT tán thành thông qua bổ nhiệm ông Đinh Trung Kiên và ông Cao Việt Phương giữ chức vụ Giám đốc điều hành mỏ theo 02 Giấy phép khai thác do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên &amp; Môi trường cấp theo nội dung Q. Giám đốc trình HDQT, kể từ ngày 10/6/2020 theo nội dung Q. Giám đốc trình HDQT.</p>	

TT	Số Nghị quyết	Ngày, tháng, năm	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>(iii) Bổ nhiệm chức vụ kiêm Giám đốc BQLDA công trình Khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm trực thuộc Công ty CP than Hà Lâm – Vinacomin.</p> <p>(iv) Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng, Quản đốc đối và kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với 05 cán bộ, kéo dài thời gian giữ chức vụ 05 tháng đối với 01 cán bộ theo nội dung Q. Giám đốc trình HĐQT.</p> <p>(v) Về thời gian, địa điểm, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.</p> <p>- Ngày tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là ngày 29/6/2020, khai mạc hồi 7h00.</p> <p>- Địa điểm tổ chức Đại hội: Họp trực tiếp tại Hội trường Công ty CP Than Hà Lâm- Vinacomin. Địa chỉ: Số 1- Phố Tân Lập – Phường Hà Lâm - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>- Nội dung họp đại hội: Theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ của Công ty</p>	100%
10	39 K3/NQ- HĐQT	23/6/2020	<p>(i) Thông qua Dự án đầu tư các công trình bảo vệ Môi trường năm 2019.</p> <p>(ii) Phê duyệt Quy chế Khoán quản trị chi phí của Công ty</p> <p>(iii) Chưa thông qua ủy quyền việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty. Q. Giám đốc Công ty phải có kế hoạch sử dụng mức vay tín dụng ngắn hạn, khả năng thu, trả nợ, hạn mức ủy quyền và có phương án đưa Công ty ra khỏi Giám sát tài chính đặc biệt để HĐQT xem xét, sau đó HĐQT mới xét đến việc ủy quyền.</p> <p>(iv) Triển khai công việc theo nội dung văn bản số 2932/TKV-KS, ngày 18/6/2020 của Tổng Giám đốc TKV về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.</p> <p>(v) Về ứng viên HĐQT: Đề cử ông Đinh Trung Kiên – cổ đông – Phó Giám đốc Công ty là ứng viên đại diện cổ đông ngoài TKV để Đại hội bầu tham gia HĐQT Công ty.</p>	100%
11	40 K3/NQ- HĐQT	26.6.2020	<p>(i) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức năm 2019.</p> <p>* Lợi nhuận trước thuế: 79.348 Tr.đ</p> <p>- Trích nộp thuế TNDN: 59.189 Tr.đ</p> <p>* Lợi nhuận sau thuế: 20.159 Tr.đ</p> <p>- Chia cổ tức 6%/VDL: 15.249 Tr.đ</p> <p>* Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi chia cổ tức: 4.910 Tr.đ</p> <p>(ii) Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%</p> <p>(iii) Quỹ thưởng viên chức quản lý (<math>\leq 1,0</math> tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2019): 318 Tr.đ</p> <p>(iv) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (<math>\leq 1,0</math> tháng lương thực hiện của Công ty năm 2019): 4.592 Tr.đ</p> <p>Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức năm 2019 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 để Đại hội xét thông qua theo thẩm quyền</p>	100%
12	41/ K3/NQ- HĐQT	15.7.2020	<p>(i) Nghe Công ty báo cáo tình hình thực hiện KHSXKD tháng 6/2020 và 6 tháng đầu năm 2020; Kế hoạch, phương hướng SXKD tháng 7/2020.</p> <p>(ii) Nghe báo cáo về XD kế hoạch 05 năm 2021-:2025 theo chỉ đạo của TKV.</p> <p>(iii) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Dự án Đầu tư các công trình bảo vệ môi trường năm 2019 - Công ty CP</p>	



TT	Số Nghị quyết	Ngày, tháng, năm	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>Than Hà Lâm - Vinacomin (Tờ trình số 1241/TTr-HLC, ngày 02/7/2020)</p> <p>(iv) Thông qua Phương án xử lý đưa Công ty ra khỏi giám sát tài chính đặc biệt để Công ty triển khai thực hiện và báo cáo Chủ sở hữu TKV.</p> <p>(v) Thông qua quy định phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và nguyên tắc làm việc của HĐQT.</p> <p>(vi) Nghe báo cáo của đơn vị thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với: Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50- Mỏ Than Hà Lâm - Công ty Than Hà Lâm (điều chỉnh).</p> <p>(vii) Thành lập Tổ Tổng hợp - Thẩm tra của Công ty để tổng hợp-thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với: Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50- Mỏ Than Hà Lâm - Công ty Than Hà Lâm (điều chỉnh) sau khi đã được nhà thầu tư vấn thẩm tra.</p>	100%
13	41.1/ K3/NQ- HDQT	15.7.2020	(i) Tán thành thông qua ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty vay vốn phục vụ SXKD năm 2020 bằng thẻ chấp, bảo lãnh.	100%
14	42/ K3/NQ- HDQT	22.7.2020	(i) Thông qua nội dung công tác chuẩn bị đầu tư Dự án Đầu tư các công trình bảo vệ môi trường năm 2020 - Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin.	100%
15	43/ K3/NQ- HDQT	6.8.2020	<p>(i) Nghe báo cáo dự kiến kết quả SXKD tháng 7, lũy kế 7 tháng/2020; tình hình thực hiện khoán quản trị chi phí 7 tháng /2020 và kế hoạch SXKD tháng 8/2020. Tình hình rà soát và soạn thảo các quy chế quản lý của công ty.</p> <p>(ii) Nghe báo cáo và xem xét phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 Mỏ than Hà Lâm - Công ty than Hà Lâm</p> <p>(iii) Nghe báo cáo thực hiện kết quả rà soát và điều chỉnh KH đầu tư XD năm 2020 theo Công văn số 3405/TKV-ĐT, ngày 15/7/2020 của TKV.</p> <p>(iv) Điều chỉnh chuyển bước từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (công trình khởi công mới) đối với dự án: Đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020 - Công ty CP Than Hà Lâm Vinacomin</p>	100%
16	44/ K3/NQ- HDQT	20.8.2020	(i) Thông qua Phương án kỹ thuật duy trì sản xuất Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm-Công ty than Hà Lâm (tầng dưới mức -300)	100%
17	45/ K3/NQ- HDQT	21.8.2020	(ii) Phê duyệt kế hoạch LCNT đối với gói thầu: Lập phương án kỹ thuật duy trì sản xuất Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm- Công ty than Hà Lâm (tầng dưới mức -300).	100%
18	46 K3/NQ- HDQT	26.8.2020	(i) Phê duyệt KHLCNT Dự án đầu tư phục vụ SX năm 2020- Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin (Tờ trình số 1588/TT-HLC, ngày 24/08/2020 của Q.Giám đốc điều hành)	100%
19	47/ K3/NQ- HDQT	18.9.2020	<p>(i) Nghe báo cáo dự kiến kết quả SXKD tháng 8 và 8 tháng; kế hoạch SXKD tháng 9/2020 một số công tác quản lý của Công ty.</p> <p>(ii) Phê duyệt KHLCNT dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020 - Công ty CP Than Hà Lâm Vinacomin</p> <p>(iii) Phê duyệt Quy chế Quản lý nợ của Công ty</p> <p>(iv) Thông qua và giao Q.Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện nội dung văn bản số 4087/TKV-TN ngày 21/8/2020 và văn bản số 4140/TKV-TN ngày 26/8/2020 của Tổng giám đốc TKV</p>	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày, tháng, năm	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	48/ K3/NQ- HDQT	18.9.2020	(i) Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Dự án Đầu tư khai thác phần dưới mức -50 Mỏ than Hà Lâm-Công ty than Hà Lâm (điều chỉnh).	100%
21	49/ K3/NQ- HDQT	20.9.2020	(i) Phê duyệt công tác tổ chức cán bộ - Công ty CP Than Hà Lâm Vinacomin.	100%
22	50/ K3/NQ- HDQT	14.10.2020	(i) Phê duyệt Quy chế phối hợp lãnh đạo giữa Đảng ủy và HDQT. (ii) Cho ý kiến thực hiện tái cơ cấu của Công ty theo Quyết định số 500/QĐ-TKV ngày 30/3/2018 của TKV (iii) Báo cáo DK kết quả SXKD tháng 9, 9 tháng 2020, kế hoạch SXKD tháng 10 và một số công tác quản lý của Công ty (iv) Thông qua quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Công ty CP than Hà Lâm để Giám đốc kỹ ban. Phê duyệt kế hoạch ĐTXD năm 2020 điều chỉnh	100%
23	51/ K3/NQ- HDQT	26.11.2020	(i) Kéo dài thời gian giữ chức vụ 6 tháng đối với ông Bùi Đình Hưng - Số thẻ 11612- Quản đốc Phân xưởng Đồi sống (ii) Triển khai một số nội dung qua văn bản của TKV gửi Công ty và Người ĐDPV phần vốn. Xin ý kiến HDQT, BKS để về các nội dung như sau:	100%
24	52/ K3/NQ- HDQT	7.12.2020	(i) Thông qua kết quả kiểm điểm, đánh giá cán bộ quản lý (ii) Phê duyệt Quy chế quản lý nợ (iii) Nghe báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD tháng 11/2020 và phương hướng nhiệm vụ tháng 12/2020 (iv) Nghe báo cáo và triển khai 1 số công việc quản lý của công ty (tái cơ cấu, tiến độ lập Phương án kỹ thuật tăng dưới mức -300, xem xét Hồ sơ kết thúc Phương án kỹ thuật liên thông mỏ Hà Lâm- Núi Béo, công tác chuẩn bị và triển khai Đề án thăm dò mỏ than Hà Lâm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	100%
25	53/ K3/NQ- HDQT	16.12.2020	(i) Thông qua chủ trương xã hội hóa công tác quản lý và vận hành các trạm xử lý nước thải của Công ty; (ii) Thông qua 04 Phương án TCC và mô hình tổ chức phòng, ban, đơn vị; (iii) Thông qua công tác cán bộ cấp phòng, công trường, phân xưởng.	100%



Số: 01 /BC-BKS

Hạ Long, ngày 31 tháng 3 năm 2021

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/6/2020;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin (Công ty), cụ thể như sau:

### **I. VỀ THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2020**

#### **1. Ban kiểm soát gồm 03 người:**

Ông Nguyễn Văn Tấn	Trưởng ban
Ông Trịnh Xuân Khoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngạn	Thành viên

#### **2. Tiền lương, thù lao Công ty trả cho các thành viên BKS năm 2020 (tính từ ngày 01/01/2020 -:- 31/12/2020) như sau:**

Thù lao cho 03 người = 4.600.000đ/1tháng/1người. Tổng thù lao cho 03 người = 165.600.000 đồng.

### **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

I. Hàng quý, Ban kiểm soát đều đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.



2. Theo kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 đã thường xuyên Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện quá trình hoạt động SXKD theo từng quý, cả năm 2020 của Công ty trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế, quy định nội bộ... có liên quan.

3. Đã tăng cường việc kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy chế, quy định, quy trình, nội quy và các văn bản khác của Công ty;

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi HĐQT chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc đề xuất công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

6. Thẩm định tính đúng đắn, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị...

7. Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức họp 05 cuộc. Nội dung cuộc họp để giải quyết các công việc sau:

- Họp thống nhất thông qua các báo cáo trình ĐHĐCTN năm 2020; Phân công nhiệm vụ trong BKS, triển khai kế hoạch hoạt động của BKS; đánh giá kết quả giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty trong việc thực hiện các quy định pháp luật, điều lệ công ty, các quy định nội bộ và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông; đánh giá hoạt động hàng quý của BKS và tham gia ý kiến với HĐQT trước khi xét phê duyệt ban hành các quy chế, quy định về quản lý rủi ro, quản lý công nợ, quản lý giám sát hoạt động tài chính; quy định tuyển dụng lao động, ...;

- Họp thống nhất các nội dung kiểm soát của các Quý, năm để giao cho Người đại diện của TKV tham gia BKS của Công ty giữ chức Trưởng BKS báo cáo kết quả kiểm soát về HĐQT TKV;

8. Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

### **III. VỀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 CỦA CÔNG TY**

**1. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty** được lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014 của Bộ Tài chính và đã được kiểm toán theo quy định bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành báo cáo kiểm toán số 53/2021/BCKT-PKF.VPC ngày 21 tháng 3 năm 2021.

**2. Về thẩm định báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2020** (có báo cáo chi tiết kèm theo)



#### **IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁC NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN KHÁC**

##### **1. Về tổ chức bộ máy: Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 người:**

Ông Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Ngọc Thắng	Ủy viên -Q. Giám đốc Công ty
Ông Phạm Công Hương	Ủy viên
Ông Trương Ngọc Linh	Ủy viên
Ông Đinh Trung Kiên	Ủy viên

##### **2. Về hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.**

###### **(1). Giám sát hoạt động HĐQT:**

- Giám sát thông qua dự họp các kỳ họp của HĐQT Công ty: Năm 2020 tham dự 24 phiên họp HĐQT, trình tự, thủ tục, nội dung họp HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Các vấn đề HĐQT phê duyệt/thông qua đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật có liên quan và kịp thời, không gây trở ngại cho hoạt động chỉ đạo điều hành của Ban giám đốc. Các tài liệu, nội dung họp HĐQT hầu hết đều chuyển cho BKS nghiên cứu trước. BKS được HĐQT mời dự họp các cuộc họp của HĐQT theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

+ Tổng số Nghị quyết HĐQT ban hành: 25 Nghị quyết;

+ Số Quyết định HĐQT ban hành để phê duyệt hoặc thông qua: 39 Quyết định;

- Về xây dựng quy chế quản lý: Công ty đã ban hành Quy chế, quy định cụ thể như sau:

+ Quy chế Thi đua - khen thưởng (ký ban hành ngày 28/4/2020);

+ Quy chế Quản lý cán bộ (ký ban hành ngày 28/4/2020);

+ Quy chế Thực hiện dân chủ (ký ban hành ngày 28/4/2020);

+ Quy chế Khoán quản trị chi phí (Ký ban hành ngày 29/7/2020)

+ Quy chế quản lý nợ (ký ban hành ngày 18/12/2020)

+ Quy định về công tác giao khoán, nghiệm thu quyết toán các công trình do Công ty giao khoán cho các CTPX nhận khoán (Ký ban hành ngày 21/5/2020);

+ Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc dự án đầu tư trong Công ty CP than Hà Lâm – Vinacomin (ký ban hành ngày 15/10/2020);

+ Quyết định về một số nội dung khác: Phê duyệt quy hoạch cán bộ; công tác điều động, bổ nhiệm cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý; Giao thẩm định KHLCNT; Phê duyệt KHLCNT; Phê duyệt KH ĐTXD và điều chỉnh KH ĐTXD năm 2020; điều chỉnh chuyên bước dự án từ dự phòng lên chính thức; phân phối lợi nhuận năm 2019; Kế hoạch cổ tức năm 2020; Phê duyệt định mức vay tín dụng ngắn hạn, hệ số thanh



toán nhanh, nợ/VCSH theo định mức TKV; Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50-Mỏ than Hà Lầm -Công ty than Hà Lầm (điều chỉnh)...

- Tổ chức họp ĐHĐCĐ: Một số nội dung quan trọng trình ĐHĐCĐ đã báo cáo và có ý kiến của TKV;

- BKS thực hiện việc giám sát các mặt hoạt động của HDQT; Ban Giám đốc dưới nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp HDQT, họp giao ban, họp sản xuất tháng, quý và qua các báo cáo của Giám đốc....nhằm bảo đảm các nghị quyết, quyết định của HDQT được thực hiện đầy đủ;

- HDQT đã yêu cầu Ban giám đốc kịp thời rà soát các Quy chế, Quy định của Công ty, đề sửa đổi ban hành cho phù hợp với quy định hiện hành.

Tuy nhiên hiện nay, Công ty đang dự thảo một số Quy chế, quy định để thay đổi các quy chế, quy định cũ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và TKV ban hành (Quy chế Quản lý đầu tư &XD; Quy chế quản lý TSCĐ; Quy chế hoạt động của công tác thanh tra; Quy chế GSTC và đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy định sửa chữa TSCĐ; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế quản lý đất đai...).

## **(2). Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Ban KS Công ty thực hiện giám sát hoạt động của ban Giám đốc điều hành thông qua việc tham dự các họp sơ kết, tổng kết hàng quý... và kiểm tra giám sát trực tiếp hàng quý các hoạt động quản lý điều hành của Công ty theo kế hoạch hoạt động năm 2020 của BKS.

Qua giám sát hoạt động của Ban giám đốc Công ty, Ban KS có một số nhận xét đánh giá như sau:

- Quyết định của Giám đốc: Giám đốc ban hành các quyết định để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HDQT, Quyết định của HDQT và Quy chế Công ty;

- Về xây dựng quy chế quản lý; Quy định: Trong năm 2020 Giám đốc đã trình HDQT Ban hành các quy chế và Giám đốc cũng đã Ban hành một số các quy định để quản lý Công ty; Đồng thời cũng đang dự thảo một số Quy chế, quy định để thay đổi các quy chế, quy định cũ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và TKV ban hành;

Đề nghị Ban Giám đốc Công ty tăng cường hơn nữa trong việc chỉ đạo các phòng ban chức năng Công ty sớm xây dựng, hoàn chỉnh các quy chế, quy định còn thiếu, cần bổ sung sửa đổi cho phù hợp với quy định của Nhà nước, Công ty mẹ TKV..., như: Quy chế Quản lý đầu tư &XD; Quy chế quản lý TSCĐ; Quy chế hoạt động của công tác thanh tra; Quy chế GSTC và đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy định sửa chữa TSCĐ; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế quản lý đất đai...

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HDQT và Đại hội đồng cổ đông, đã tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hầu hết các chỉ tiêu đều đạt trên 100% kế hoạch năm 2020. Tuy nhiên, về kế hoạch đầu tư XD/CB năm 2020 chỉ đạt khoảng 90% so với kế hoạch giao. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn thế giới nên một số gói thầu, dự án bị ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện hợp đồng.



- Ban Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trong Công ty tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các văn bản của TKV, HĐQT Công ty...;

- Công ty đã thực hiện đúng theo đề án được TKV phê duyệt theo QĐ số 500/QĐ-TKV ngày 30/3/2018;

+ Kết quả đạt được: Cơ cấu tổ chức sản xuất hiện tại của Công ty CP than Hà Lâm – Vinacomin gồm có 14 phòng, 01 Ban QLDA, 20 công trường, phân xưởng. Tổng số người làm việc tại Công ty thời điểm 31/12/2020 là 3.156 người.

+ Đánh giá sơ bộ kết quả đạt được: Cơ cấu tổ chức của Công ty đã từng bước giảm đầu mối nhưng không gây trở ngại cho hoạt động SXKD, thu nhập của CBCNV lao động đảm bảo kế hoạch, trật tự doanh nghiệp ổn định.

- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận thu nhập ổn định cho người lao động và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông;

- Về việc tiếp công dân: Công ty đã ban hành quy định về tiếp Công dân để thực hiện Luật khiếu nại và Luật Tố cáo. Do vậy trong năm 2020 Công ty đã tiếp nhận 01 đơn về đề bù sứt lụn công trình kiến trúc do ảnh hưởng khai thác, Công ty cũng đã giải quyết xong

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống Lãng phí và Luật Phòng, chống tham nhũng, nên đã góp phần tích cực vào KHSXKD và vi phạm pháp luật tại Công ty;

### **(3). Giám sát công khai người có liên quan và lợi ích có liên quan:**

Qua giám sát hàng kỳ, Công ty đã thực hiện báo cáo Người có liên quan và lợi ích có liên quan tại Báo cáo quản trị định kỳ 6 tháng và năm. Đồng thời công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và hằng năm được báo cáo tại Đại hội đồng cổ thường niên tại Công ty.

#### **\* Đánh giá chung:**

- Về thành phần họp HĐQT: Đảm bảo đúng thành phần và mời các thành viên BKS, đại diện các phòng, ban liên quan ... vì vậy, các cuộc họp đảm bảo quy định, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Hồ sơ, tài liệu chuẩn bị phiên họp: Chuẩn bị cơ bản đầy đủ và gửi trước cho các thành viên HĐQT, BKS nghiên cứu trước, làm cơ sở cho việc thảo luận của HĐQT và tạo điều kiện để BKS tham gia ý kiến.

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2020: Trong năm 2020, HĐQT đã triển khai kịp thời, đầy đủ nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2020. Đồng thời, phê duyệt hoặc thông qua các nội dung do Giám đốc trình đảm bảo kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, đáp ứng hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

- Về Công khai người có liên quan và lợi ích có liên quan Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ theo quy định có liên quan;

- Ban Giám đốc đã triển khai đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty, đúng pháp luật hiện



hành. Không cá nhân nào vi phạm pháp luật; Thực hiện chỉ đạo điều hành Công ty hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu chủ yếu KHSXKD năm 2020.

Ban kiểm soát chưa phát hiện được điều gì bất thường gây ra sai phạm lớn trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc.

#### **V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁC CỔ ĐÔNG**

- Trong năm 2020 Ban KS Công ty đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao cho, cũng như tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp...

- Trong năm 2020 Ban KS Công ty không nhận được ý kiến, kiến nghị nào của các cổ đông.

Tại Đại hội này Ban kiểm soát Công ty cũng rất mong nhận được các ý kiến tham gia đóng góp của các quý cổ đông về hoạt động của Ban kiểm soát,... để Ban KS Công ty ngày một hoàn thiện hơn trong công tác kiểm tra, giám sát của mình, để phục vụ tốt hơn cho các quý cổ đông Công ty.

#### **VI. BAN KIỂM SOÁT KIẾN NGHỊ CÔNG TY**

- Đề nghị Công ty cần sớm ban hành đầy đủ một số Quy chế, quy định để thay đổi các quy chế, quy định cũ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và TKV ban hành (Quy chế Quản lý đầu tư &XD; Quy chế quản lý TSCĐ; Quy chế hoạt động của công tác thanh tra; Quy chế GSTC và đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy định sửa chữa TSCĐ; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế quản lý đất đai...).

- Đề nghị Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị tài nguyên, công tác quản trị chi phí, công tác giao khoán các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật cơ điện,... để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý về một số lĩnh vực như: vật tư, sửa chữa tài sản, công tác thuê ngoài,....

- Công ty thường xuyên rà soát định mức kinh tế kỹ thuật, ban hành bổ sung các định mức cho phù hợp,...đảm bảo quy định của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, hiện nay là Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

#### **VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**

1. Kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các quy định nội bộ Công ty,...

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng và cả năm 2021, báo cáo tình hình kinh doanh, đầu tư, tiền lương,... của Công ty;



4. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo quy định.

5. Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hành quý theo kế hoạch của Ban kiểm soát công ty được quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty, các quy định khác có liên quan.

Trên đây là báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban KS Công ty. Ban kiểm soát Công ty trân trọng báo cáo trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Trình ĐH Đồng cổ đông năm 2021;
- HĐQT, BGD Công ty;
- Lưu BKS.

**TM/ BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Văn Tấn**

Số: 02/BC-BKS

Hạ Long, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY VỀ THẨM ĐỊNH  
BÁO CÁO KINH DOANH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/6/2020;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin (Ban Kiểm soát Công ty);

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về thẩm định báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin (Công ty), cụ thể như sau:

**I. BÁO CÁO KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2020**

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty được phản ánh trên một số chỉ tiêu chủ yếu, cụ thể như sau:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020 (CV6326)	KH NĂM ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Than nguyên khai	Tấn	2 685 000	2 680 000	2 679 158	99,78	99,97
	- Than lộ thiên	"	285 000	300 000	299 960	105,25	99,99
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 380 000	2 379 198	99,13	99,97
2	Đất bóc CBSX	1000 m <sup>3</sup>	480	642	659	137,23	102,60
3	Đào lò CBSX	m	9 500	9 500	9 502	100,02	100,02
4	Than tiêu thụ	Tấn	2 686 000	2 470 000	2 527 886	94,11	102,34



TT	TÊN CHỈ TIÊU	DVT	KH NĂM 2020 (CV6326)	KH NĂM ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH %	
						TH/KH	TH/KHĐC
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
5	Doanh thu than	Tr.đồng	2 871 880	2 697 282	2 703 883	94,94	100,02
6	Lợi nhuận trước thuế	"	43 367	43 367	43 383	100,37	100,37
7	Lợi nhuận sau thuế	"			42 551		
8	Lao động bình quân	Người	3 056	3 056	3 086	100,98	100,98
9	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	15 212	15 212	16 2 26	106,66	106,66
10	Than tồn kho	Tấn	103 994		424 899	408,58	

### Nhận xét, đánh giá chung:

#### (1) Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu thực hiện tăng so với kế hoạch điều chỉnh:

- Đất bóc CBSX thực hiện: 658.685 m<sup>3</sup>/642.000 m<sup>3</sup> kế hoạch điều chỉnh tăng 2,60%, nguyên nhân chủ yếu do trong quá trình kết thúc giấy phép khai thác, công ty tận thu được thêm một lượng 15.547 m<sup>3</sup> đất đá lẫn than.

- Cung độ vận chuyển than nguyên khai lộ thiên thực hiện 1,908km/1,400km kế hoạch tăng 0,508kmm, nguyên nhân do than lộ thiên chủ yếu được vận chuyển về kho than số 5 là kho có cung độ dài hơn kế hoạch để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ than và đã được TKV đồng ý điều chỉnh theo nội dung Biên bản kiểm tra ngày 24/3/2020 đối với khai thác lộ thiên.

- Hệ số thu hồi than sạch từ nguyên khai: Thực hiện 87,41%/84% kế hoạch tăng 4,07%, nguyên nhân do nhu cầu tiêu thụ các các hộ Điện tăng, công ty phải tập trung chế biến sàng tách khô ra các chủng loại than cám 5a, cám 5b, hạn chế tuyển sâu ra các loại than chất lượng như cám 3, cám 4a.

- Than tồn kho: Tổng sản lượng than tồn kho tăng cao, đến ngày 31/12/2020 là: 424,899 nghìn tấn, trong đó: than nguyên khai tồn: 94,063 nghìn tấn, than sạch tồn là: 330,836 nghìn tấn. Nguyên nhân do công tác tiêu thụ gặp khó khăn do giá than và giá dầu thế giới giảm dẫn đến các nhà máy nhiệt điện, xi măng, thép...tăng cường sử dụng than nhập khẩu để giảm giá thành.

#### (2) Về thực hiện khoản chi phí nội bộ Công ty năm 2020

Trên cơ sở chi phí TKV giao cho Công ty thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh. Công ty đã ban hành quyết định các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 tại Quyết định số 290/QĐ-HLC ngày 16/01/2020; đồng thời ban hành chương trình hành động tăng cường thực hành tiết



kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, vốn, tài sản và lao động năm 2020 tại Quyết định số 1194/QĐ-HLC ngày 12/3/2020.

Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch chi phí năm phù hợp với tình hình thực tế của Công ty trên cơ sở chi phí Tập đoàn giao khoán và thị trường tiêu thụ từng giai đoạn để đảm bảo cân đối được tài chính Doanh nghiệp, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra, chi phí dịch vụ ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh.

Kiểm soát tốt các điều kiện kỹ thuật cơ bản lò chợ cơ giới hóa đặc biệt lò chợ cơ giới hóa via 7 công suất 1,2 triệu tấn/năm khẩu qua khu vực cắt lớp đá kẹp giữa gương lò chợ để đảm bảo tiến độ khẩu.

Tổ chức thi công mở tối đa gương lò đào để tăng mét lò đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

Tập trung triển khai công tác PCMB theo kế hoạch PCTT & TKCN năm 2020.

Tăng cường sử dụng vật tư thu hồi tái sử dụng.

Về sản xuất, tiêu thụ: Xây dựng phương án pha trộn sản xuất các chủng loại than phù hợp nhu cầu tiêu thụ của thị trường (pha trộn sản xuất than cám 6a.1, cám 6b.1, cám 7b); Phối hợp với các Công ty Tuyển than Hòn Gai – Vinacomin, Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả – Vinacomin, giải quyết công tác tiêu thụ, phù hợp, kịp thời.

Chuẩn bị đủ diện sản xuất cho các đơn vị theo kế hoạch năm 2020 và diện sản xuất gói đầu năm 2021, tối đa tập trung hóa sản xuất cho các đơn vị đào lò và khai thác để tăng năng suất lao động.

Công ty đã khoán chi tiêu Ak than nguyên khai bình quân cho từng via, từng khai trường của từng đơn vị sản xuất than; đã tổ chức khoán chi phí theo năm và quyết toán theo quý đến các công trường, phân xưởng và các đầu xe máy, thiết bị vận tải. Hệ thống định mức khoán được thường xuyên rà soát kỹ, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện sản xuất thực tiễn, đã khuyến khích được sản xuất.

Công tác quản trị chi phí giá thành đã được gắn liền với tiết kiệm chi phí, có kiểm soát và được triển khai đồng bộ từ Công ty đến các công trường, phân xưởng, trong đó đã đề ra phương án thực hành tiết kiệm như: tiết kiệm nhiên liệu, động lực, thép chống lò và ray thu hồi, chi phí sửa chữa thiết bị và phát huy các sáng kiến hợp lý hoá sản xuất..., Công ty đã và đang từng bước khắc phục những hạn chế, tích cực đẩy mạnh công tác quản trị chi phí- khoán chi phí của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

## **II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020**

### **1. Nhận xét, đánh giá chung**

Sau khi xem xét, Ban kiểm soát Công ty nhận thấy công tác tài chính kế toán cơ bản được thực hiện đảm bảo quy định hiện hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, được cập nhật theo dõi và quản lý trên phần mềm kế toán.....



Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014 của Bộ Tài chính và đã được kiểm toán theo quy định bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam phát hành báo cáo kiểm toán số 53/2021/BCKT-PKF.VPC ngày 21 tháng 3 năm 2021.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định, số liệu kế toán rõ ràng, trung thực các hoạt động kinh tế phát sinh trong năm tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2020 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành.

Chế độ báo cáo tài chính: Công ty thực hiện báo cáo tài chính theo quý, năm tài chính theo quy định hiện hành.

## 2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính năm 2020

### 2.1. Các chỉ tiêu tài chính năm 2020

Năm 2020 các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn, được biểu hiện cụ thể tại bảng số 01.

**Bảng số 01: Các chỉ tiêu tài chính năm 2020**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Tăng, giảm
A	B		1	2	3=2-1
1	Hệ số thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,21	0,86	0,65
3	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	10,01	10,21	0,2
2	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản				
a	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%	5,29	25	19,71
b	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	%	94,71	75	-19,71
3	Hệ số về khả năng sinh lời				
a	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	0,62	1,20	0,58
b	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,38	13,48	6,1

Đánh giá chung: Năm 2020 Công ty đã bảo toàn phát triển được vốn đầu tư của chủ sở hữu, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đều tăng so với năm 2019.

### 2.2. Vốn điều lệ của Công ty:

Tại thời điểm 31/12/2020, Vốn điều lệ là 254.151.990.000 đồng (không thay đổi), chi tiết góp vốn tại bảng số 02:

### Bảng số 02: Bảng tổng hợp góp vốn điều lệ đến thời điểm ngày 31/12/2020

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Lũy kế số vốn góp đến 31/12/2020	Tỷ lệ % góp vốn
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – KS Việt nam	188.594.246.000	74.21
2	Vốn góp của các cổ đông khác	65.557.744.000	25.79
	<b>Tổng cộng</b>	<b>254.151.990.000</b>	<b>100.00</b>

3. Bảng cân đối kế toán thời điểm ngày 31/12/2020, được phản ánh tổng hợp tại bảng số 03, như sau:

Bảng số 03: Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: Đồng

Mã số	Nội dung	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu năm 01/12/2020	Tăng, giảm	
				Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=1-2	4=3/2
100	Tài sản ngắn hạn	884.721.939.853	172.016.690.740	712.705.249.113	414,32
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.750.530.534	2.845.548.066	- 95.017.532	- 3,34
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	446.681.794.391	15.177.968.953	431.503.825.438	2.842,96
140	Hàng tồn kho	399.086.644.324	119.124.877.542	279.961.766.782	235,02
150	Tài sản ngắn hạn khác	36.202.970.604	34.868.296.179	1.334.674.425	3,83
200	Tài sản dài hạn	2.653.325.233.699	3.076.640.912.301	- 423.315.678.602	- 13,76
210	Các khoản phải thu dài hạn	35.857.479.235	36.293.763.400	- 436.284.165	- 1,20
220	Tài sản cố định	2.327.772.910.690	2.661.291.142.778	- 333.518.232.088	- 12,53
221	Tài sản cố định hữu hình	2.324.915.912.419	2.658.032.690.910	- 333.116.778.491	- 12,53
227	Tài sản cố định vô hình	2.856.998.271	3.258.451.868	- 401.453.597	- 12,32
230	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
240	Tài sản dở dang dài hạn	69.197.837.791	4.999.246.043	64.198.591.748	1.284,17
250	Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0
260	Tài sản dài hạn khác	220.497.005.983	374.056.760.080	- 153.559.754.097	- 41,05
270	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>3.538.047.173.552</b>	<b>3.248.657.603.041</b>	<b>289.389.570.511</b>	<b>8,91</b>



Mã số	Nội dung	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu năm 01/12/2020	Tăng, giảm	
				Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=1-2	4=3/2
300	Nợ phải trả	3.222.443.153.709	2.955.445.956.143	266.997.197.566	9,03
310	Nợ ngắn hạn	1.027.767.262.509	829.835.099.775	197.932.162.734	23,85
330	Nợ dài hạn	2.194.675.891.200	2.125.610.856.368	69.065.034.832	3,25
400	Vốn chủ sở hữu	315.604.019.843	293.211.646.898	22.392.372.945	7,64
410	Vốn chủ sở hữu	315.604.019.843	293.211.646.898	22.392.372.945	7,64
411	Vốn góp của chủ sở hữu	254.151.990.000	254.151.990.000	-	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	18.900.919.202	18.900.919.202	-	-
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.551.110.641	20.158.737.696	22.392.372.945	111,08
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	42.551.110.641	20.158.737.696	22.392.372.945	111,08
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0
440	Tổng cộng nguồn vốn	3.538.047.173.552	3.248.657.603.041	289.389.570.511	8,91

4. Về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, được phản ánh cụ thể tại Bảng số 04, như sau:

**Bảng số 04: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020**

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay (2020)	Năm trước (2019)	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	2.721.616.087.609	3.155.001.951.029	- 433.385.863.420	-14
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.721.616.087.609	3.155.001.951.029	- 433.385.863.420	-14
4	Giá vốn hàng bán	11	2.206.761.892.109	2.675.052.431.147	- 468.290.539.038	-18
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	514.854.195.500	479.949.519.882	34.904.675.618	7
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	983.553.757	953.287.855	30.265.902	-3

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay (2020)	Năm trước (2019)	Tăng, giảm	
					Số tiền	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=1-2	4=3/2
7	Chi phí tài chính	22	243.675.743.289	251.430.429.994	- 7.754.686.705	3
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	221.540.455.618	251.426.801.440	- 29.886.345.822	-12
8	Chi phí bán hàng	24	7.019.727.364	30.226.987.116	- 23.207.259.752	-77
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	136.453.486.217	107.760.628.208	28.692.858.009	27
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	128.688.792.387	91.484.762.419	37.204.029.968	41
11	Thu nhập khác	31	2.894.902.040	513.329.562	2.381.572.478	464
12	Chi phí khác	32	88.200.214.085	12.650.420.918	75.549.793.167	597
13	Lợi nhuận khác	40	-85.305.312.045	-12.137.091.356	- 73.168.220.689	603
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	43.383.480.342	79.347.671.063	- 35.964.190.721	- 45
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	832.369.701	59.188.933.367	- 58.356.563.666	- 99
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	0	0	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	42.551.110.641	20.158.737.696	22.392.372.945	111
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	600	600	0	0

### 5. Đánh giá chung về báo cáo tài chính năm 2020

Ban kiểm soát Công ty thống nhất với nhận xét đánh giá của Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và xác nhận "xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 6. Kiến nghị:

- Đề nghị Công ty cần sớm ban hành đầy đủ một số Quy chế, quy định để thay đổi các quy chế, quy định cũ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và TKV ban hành (Quy chế Quản lý đầu tư & XD; Quy chế GSTC và đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy định sửa chữa TSCĐ; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế quản lý đất đai...).



- Đề nghị Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị tài nguyên, công tác quản trị chi phí, công tác giao khoán các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật cơ điện,... để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý về một số lĩnh vực như: vật tư, sửa chữa tài sản, công tác thuê ngoài,....

- Công ty thường xuyên rà soát định mức kinh tế kỹ thuật, ban hành bổ sung các định mức cho phù hợp,...đảm bảo quy định của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, hiện nay là Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Trên đây là báo cáo thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2020. Ban kiểm soát Công ty trân trọng báo cáo trình trước Đại hội.

**Nơi nhận:**

- Trình ĐH cổ đông;
- HĐQT, BGD công ty;
- Lưu BKS.

**TM/ BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Văn Tấn**

Số: 03/BC-BKS

Hạ Long, ngày 31 tháng 5 năm 2021

### TỜ TRÌNH

**Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin năm 2021**  
**V/v Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Hà Lâm-Vinacomin (Ban Kiểm soát Công ty);

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin (Công ty) năm 2021 về việc đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 như sau:

Công ty TNHH PKF Việt Nam là doanh nghiệp được tách từ Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (tiền thân là AFC Sài Gòn - là một trong những công ty kiểm toán đầu tiên của Bộ Tài chính Việt Nam, được thành lập tại TP. Hồ Chí Minh từ năm 1995) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên ngày 14/09/2015, với mã số doanh nghiệp 0313440640.

PKF Việt Nam là Công ty kiểm toán có hơn 20 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên ngành kiểm toán tại Việt Nam; và cũng là Công ty kiểm toán có rất nhiều năm kinh nghiệm kiểm toán cho các đơn vị ngành than (từ năm 1997 đến nay), trong đó có kinh nghiệm kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam từ năm 2009 đến nay.

PKF Việt Nam cũng là Công ty kiểm toán luôn được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán hàng năm.

Nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD và đảm bảo quy định theo Nghị định 105/2004/ND-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập. Ban kiểm soát Công ty đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm





toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 là: **Công ty TNHH PKF Việt Nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định.**

Trong trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trên về tiền độ và mức phí kiểm toán, đề nghị giao cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách các Công ty kiểm toán độc đã lập được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán hàng năm.

*Nơi nhận:*

- Hội đồng quản trị;
- Đại hội đồng cổ đông năm 2021;
- Các thành viên BKS;
- Lưu VT, Ban KS Cty.



Số: **38** /TT- HĐQT

Hạ Long, ngày **26** tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty**

**Kính gửi: Đại hội cổ đông**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin;

Hội đồng quản Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin đã xây dựng dự thảo **Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty xem xét:

1. Về kết cấu của bản dự thảo Điều lệ gồm: 21 Chương, 62 Điều.
2. Về nội dung tuân thủ Quy chế mẫu và Điều lệ công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của Công ty.

(Dự thảo Điều lệ kèm theo và đã được đăng trên Website của Công ty)

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 quyết định thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc; Kế toán trưởng;
- Phòng CV (Công bố TT)
- Lưu: VT, Thư ký C.Ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tốt**



**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

1. Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số 2223/QĐ-HDQT ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Than Hà Lâm - TKV thành Công ty cổ phần Than Hà Lâm - TKV (nay là Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin)

2. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin được xây dựng trên cơ sở:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua vào ngày 26 tháng 4 năm 2021.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HDQT khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

**Chương I**  
**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “HDQT”.

b) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

c) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;



d) "Vốn có quyền" biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

đ) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

e) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

g) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

h) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

i) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

k) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

l) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.

m) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

n) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

o) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán.

p) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

q) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

r) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

s) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này



sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Chương II**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM -VINACOMIN.**
  - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM -VINACOMIN.**
  - Tên tiếng Anh: **VINACOMIN-HA LÂM COAL JOINT STOCK COMPANY.**
  - Tên giao dịch: **VINACOMIN-HA LÂM COAL JOINT STOCK COMPANY.**
  - Tên viết tắt: **HLC.**
2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hàng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng kinh tế về việc phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn và Công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu "TKV" và "VINACOMIN" của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 1, Phố Tân Lập, Phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: (0203) 3825.339
- Fax: (0203) 3821.203
- E-mail: [halamcoal@vnn.vn](mailto:halamcoal@vnn.vn)
- Website: [halamcoal.com.vn](http://halamcoal.com.vn)

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

## **Chương III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng (lắp đặt hệ thống điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị;
- Dịch vụ ăn uống, lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động kiểm tra và tư vấn kỹ thuật có liên quan



Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công lắp đặt các thiết bị, công nghệ điều khiển công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình khai thác mỏ; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

- Hoạt động thoát nước và xử lý nước thải
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố thông tin trên thị trường chứng khoán .

### **Chương IV**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

###### 1. Vốn điều lệ:

a) Vốn Điều lệ của Công ty là vốn được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Vốn điều lệ tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 254.151.990.000 VND (*Hai trăm năm mươi bốn tỷ, một trăm năm mươi một triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 25 415 199 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

###### 2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội cổ đông cổ đông thông qua.

###### d) Chào bán cổ phần:



- Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật doanh nghiệp gồm:

- (i) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
- (ii) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- (iii) Chào bán cổ phần ra công chúng.

- Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

#### d) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 126 Luật doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### e) Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này. Trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này, thì đương nhiên không còn là cổ đông sáng lập của Công ty, cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần có các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [...] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Đối với các doanh nghiệp được cổ phần hóa khi thông qua Điều lệ tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần được quy định như sau: Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, do là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, do đó Công ty cổ phần không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập theo quy định



tại Khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của cổ đông được nêu tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông**

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.

- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.



b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp cổ đông cá nhân bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định



này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

### **Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần



bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VND tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

## **Chương V**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

## **Chương VI**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc



trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty;

2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:



- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường



a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.



5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên



tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty phải tuân thủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;



d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ hướng dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

đ) Mẫu chỉ định người đại diện theo ủy quyền dự họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 5 của Điều này, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 5 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 6 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi đi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

### **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm



phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký;



trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;



e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ **65%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 7 Điều này) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**



1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;



5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp ;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;



g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8, Điều 21 Điều lệ này.

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**



1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

#### 2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

### **Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên



tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên HĐQT có ít nhất 1/3 thành viên không điều hành và có tối thiểu 01 thành viên độc lập HĐQT.

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên HĐQT;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần chào bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp.



h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm r, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty (nếu có)

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);



b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, Khoản 3 Điều này tại những công ty khác;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.



### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.



4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

#### 1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

#### 2. Các cuộc họp định kỳ.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

#### 3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.



5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

#### 6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

#### 7. Thông báo và chương trình họp.

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

#### 8. Số thành viên tham dự tối thiểu.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

#### 9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu



cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 44 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

d) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

#### 10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

#### 11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### 12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### 13. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;



b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### 14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

#### 15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

#### 16. Những người được mời họp dự thỉnh.

Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi



có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương VIII GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



## VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Giám đốc, một số Phó giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cũng là thành viên HĐQT.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

#### **1. Bổ nhiệm.**

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

#### **2. Nhiệm kỳ.**

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

#### **3. Tiêu chuẩn.**

a) Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức



nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc hoặc không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo



lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

#### 5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

#### 6. Miễn nhiệm.

HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

#### 7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

#### 8. Ủy quyền, uỷ nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm đó;

b) Người được uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự uỷ quyền, uỷ nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;



## Chương IX BAN KIỂM SOÁT

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

### 2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

4. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên thay thế phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.



6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;



e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán



q) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

### 2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### 3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.



d) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Chương X**

#### **BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 42. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp



Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

## **Chương XI**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 43. Trách nhiệm cần trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### **Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**



1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc



b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

##### **1. Trách nhiệm về thiệt hại.**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

##### **2. Bồi thường.**

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.



3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương XII**

### **QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **Chương XIII**

### **NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**



#### **Điều 47. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội**

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch đề HDQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Công ty, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

### **Chương XIV PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 48. Phân phối lợi nhuận**

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HDQT.

#### **Điều 49. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HDQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HDQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.



4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương XV**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 50. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 51. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.



### **Điều 52. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **Chương XVI BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 53. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này; trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
4. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty



5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

**Điều 54. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

**Điều 55. Công khai thông tin**

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Chương XVII  
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 56. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**Chương XVIII  
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

**Điều 57. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.



2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương XIX** **GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 58. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn (nếu thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn thì bỏ đoạn này);

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 59. Thanh lý**

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;



- d) Các khoản vay (nếu có);
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **Chương XX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chi định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **Chương XXI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp



có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **Điều 62. Hiệu lực thi hành**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương và 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin nhất trí thông qua ngày 26/4/2021 tại Phòng họp đại hội: Số 1- Phố Tân Lập – Phường Hà Lâm – TP Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

- Năm 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Họ tên, chữ ký của Thành viên Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin

**THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Vũ Ngọc Thăng

2. Phạm Công Hương

3. Trương Ngọc Linh

4. Đinh Trung Kiên





Số: **39** /TTr-HĐQT

Ha Long, ngày **16** tháng 4 năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**

**Kính gửi: Đại hội cổ đông**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin;

Hội đồng quản Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin đã xây dựng dự thảo **Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty xem xét:

1. Về kết cấu của Quy chế gồm: 03 Chương, 07 Điều.
2. Về nội dung tuân thủ Quy chế mẫu và Điều lệ công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của Công ty.

(Dự thảo Quy chế kèm theo và đã được đăng trên Website của Công ty)

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 quyết định thông qua./. **rel**

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc; Kế toán trưởng;
- Phòng CV (Công bố TT)
- Lưu: VT, Thư ký C.Ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tốt**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**

*Hạ Long - Tháng 4 năm 2021*





Số: 41 /QĐ-HDQT

Hà Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty,  
Công ty cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin đã được ban hành ngày 26/4/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin họp ngày 26/4/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty- Công ty cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin”; Quy chế gồm 3 Chương, 7 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2021, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành ngày 26/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

**Điều 3.** Các ông (bà) Ủy viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty Chịu trách nhiệm thi hành quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trọng Tốt



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY,  
CÔNG TY CP THAN HÀ LÀM- VINACOMIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41 /QĐ-HĐQT ngày 26/4/2021)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

**Chương II  
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

**1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo Điều 15 Điều lệ Công ty, cụ thể sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

## **2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 14- Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp như quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 - Điều lệ Công ty;

b) Công ty thực hiện lập danh sách cổ đông

Công ty phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Công ty thông báo và công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo các quy định của pháp luật và tại Điều lệ Công ty.

d) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị thông báo mời họp, chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông được gửi các cổ đông. Cổ đông



hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 - Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện theo Điều 16 - Điều lệ Công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội về Công ty trước ba (03) ngày diễn ra Đại hội để Ban tổ chức Đại hội thực hiện công tác chuẩn bị. Giấy xác nhận tham dự Đại hội được lập theo mẫu của Công ty, được đóng dấu treo và được gửi kèm theo Thông báo triệu tập Đại hội.

- Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho Ban tổ chức những giấy tờ: (i) Giấy chứng minh nhân dân, hoặc thẻ căn cước (nếu cổ đông là cá nhân); (ii) Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (Bản gốc/Bản sao công chứng) hoặc giấy tờ hợp lệ khác (nếu cổ đông là tổ chức); (iii) Giấy ủy quyền dự họp (bản gốc nếu được ủy quyền).

h) Điều kiện tiến hành, thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 - Điều lệ, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

- Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 - Điều lệ thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi đi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

i) Hình thức thông qua Nghị quyết: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức biểu quyết trực tiếp tại Đại hội hoặc bỏ phiếu khi Công ty lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hoặc kết hợp nhiều hình thức (trực tiếp, bỏ phiếu điện tử...) theo quy định của pháp luật.



k) Cách thức bỏ phiếu:

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cổ đông tiến hành biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi Chủ tọa Đại hội đề nghị các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành hay ý kiến khác. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào một (01) trong ba (3) ô tương ứng (tán thành, không tán thành hay ý kiến khác) ghi trong Phiếu biểu quyết và bỏ vào hòm phiếu.

l) Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội thông qua những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không ít hơn 03 (ba) người. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.

m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua, thực hiện theo khoản 3, khoản 4 Điều 21 - Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 - Luật Doanh nghiệp.

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều -148 Luật Doanh nghiệp.

- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được HĐQT công bố trực tiếp tại Đại hội và đăng tải thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

o) Cách thức phản đối Nghị quyết: Các cổ đông có quyền phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 132 - Luật Doanh nghiệp, Điều 24 - Điều lệ Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo quy định của pháp luật và theo Điều 23 - Điều lệ Công ty.

q) Công ty công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại Đại hội và đăng tải thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

**3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, khoản 2 Điều 21 - Điều lệ



Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 22 - Điều lệ Công ty.

#### **4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

a) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: HĐQT ra thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và đăng tải tài liệu phục vụ họp đại hội trên Website của Công ty trước ngày khai mạc đại hội 21 ngày. Trên thông báo mời họp có nội dung chi dẫn truy cập tài liệu và các điều kiện công nghệ để họp trực tuyến.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website của công ty (<https://halamcoal.com.vn>). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.

- Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp trực tuyến: Thực hiện mẫu biểu tương tự như đối với họp đại hội trực tiếp và gửi vào địa chỉ theo chỉ dẫn trên thông báo mời họp trực tuyến.

d) Điều kiện tiến hành:

Thực hiện như Điều 19 Điều lệ Công ty và hệ thống công nghệ tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tạm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó;

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

d) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được đăng tải trên website của Công ty để thực hiện biểu quyết.

- Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng "tán thành"; "Không tán thành"; "Không ý kiến" đối với từng



nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

- Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu "Không ý kiến" đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

- Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

e) Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

g) Các nội dung khác: Thực hiện tương tự như hình thức tổ chức Đại hội cổ đông trực tiếp.

### **5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến...**

a) Thông báo triệu tập họp tương tự như thông báo mời họp đại hội cổ đông thường niên và đề cập các chỉ dẫn để họp trực tuyến; Quy chế đại hội hướng dẫn cách thức phát biểu, biểu quyết... trực tiếp và trực tuyến.

b) Công ty phân bộ phận đăng ký cổ đông, kiểm phiếu cổ đông thành 02 nhóm làm việc độc lập tương ứng với mỗi hình thức tổ chức họp đại hội (Đại hội trực tiếp, trực tuyến), sau đó tổng hợp số liệu làm cơ sở tổ chức chung cả Đại hội. Các nội dung khác như: Thông báo, công bố kết quả... được thực hiện như hình thức tổ chức Đại hội cổ đông trực tiếp.

c) Các vấn đề khác có liên quan đến họp trực tiếp và trực tuyến tương tự như điểm 2, điểm 4 – Điều 2 của quy chế này.

**6. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác:** Công ty thực hiện khi có hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 3. Hội đồng quản trị**

#### **1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

Thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 159 - Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 41- Luật Chứng khoán, cụ thể:



a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2- Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167- Luật Doanh nghiệp;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;



- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

## **2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

a) Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị, thực hiện theo khoản 1, 2 Điều 26 - Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT là 05 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

- Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo khoản 4 Điều 26 - Điều lệ Công ty;

- Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Điều 155 -Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo khoản 1, 2, 3 Điều 25 - Điều lệ Công ty

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Thực hiện theo Điều 42- Điều lệ Công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp; khoản 5 khoản 6 Điều 26 - Điều lệ Công ty

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thực hiện theo khoản 7 Điều 26 - Điều lệ Công ty.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;



Thực hiện theo khoản 2 Điều 25 - Điều lệ Công ty: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo Điều 29 - Điều lệ Công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị

### **3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

Thực hiện theo Điều 28 - Điều lệ Công ty.

a) Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

b) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

c) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện



trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

e) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Thực hiện theo Điều 30 - Điều lệ Công ty.

a) Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định,

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

d) Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham dự họp Hội đồng quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát được nhận tài liệu cuộc họp như các thành viên Hội đồng quản trị. Trong cuộc họp, các thành viên Ban Kiểm soát có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;



- Trường hợp cuộc họp thứ 02 tiếp tục không đủ số thành viên dự họp theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp Hội đồng quản trị luôn là họp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

e) Cách thức biểu quyết;

- Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết, Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

h) Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều được ghi biên bản.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi.

k) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung đã ghi theo quy định của pháp luật thì biên bản này có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi Nghị quyết họp HĐQT được thông qua, Thư ký có nhiệm vụ hoàn thiện các văn bản liên quan đề trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành. Thư ký Công ty tiếp nhận bản gốc để thực hiện nhân bản, đóng dấu, phát hành trong thời gian cùng ngày sau khi văn bản được ký. Việc phát hành và lưu trữ



các văn bản theo số lượng cụ thể do Thư ký soạn thảo, ghi tại văn bản theo quy định. Bản gốc của các Nghị quyết HĐQT được lưu tại Văn phòng (HĐQT);

- Nghị quyết HĐQT được gửi tới từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các bộ phận trong Công ty theo lĩnh vực liên quan. Căn cứ yêu cầu quản lý, Thư ký Công ty thông báo toàn văn hoặc trích nội dung Nghị quyết để gửi các phòng ban hoặc đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện;

- Đối với nội dung thuộc bí mật của Công ty, của TKV và Nhà nước thì Nghị quyết HĐQT có đóng dấu chỉ cấp "độ mật" và chỉ được gửi theo địa chỉ ghi cụ thể trong Nghị quyết.

### **5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Công ty.

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các hành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

Thực hiện theo Điều 32 - Điều lệ Công ty:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 - Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

b) Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;

- Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng.

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

d) Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:



- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Ban Kiểm soát**

**1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.**

a) Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;



- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 - Điều lệ Công ty;

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 - Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty;

- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.**



Thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37, 41 - Điều lệ Công ty.

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát.

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

b) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.

- Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu ghi tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty.

d) Các thành viên Ban Kiểm soát được bầu theo hình thức dồn phiếu, tương tự như các bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

đ) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 - Luật doanh nghiệp.

- Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

- Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

- Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liền



tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này

- Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

- Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

e) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được Công ty đăng tải trên Website, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

g) Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, di lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **Điều 5. Giám đốc**

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.

a) Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 35, cụ thể như sau:

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc hoặc không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;



- Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của Hội đồng quản trị thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được Hội đồng quản trị thông qua);

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

- Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình Hội đồng quản trị;

- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

- Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;



- Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

- Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 13 - Luật Doanh nghiệp.

## **2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc.**

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc;

- Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

- Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 - Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

b) Ứng cử, đề cử Giám đốc: Được thực hiện theo quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

đ) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm... Giám đốc được Công ty đăng tải trên Website, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc do HĐQT quyết định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Điều 6. Các hoạt động khác**

### **1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty**

a) Công ty tiến hành cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc thường kỳ mỗi quý ít nhất một lần và được coi là cuộc họp Hội đồng quản trị.



b) Các tài liệu họp Hội đồng quản trị trước và sau cuộc họp như: Tờ trình, báo cáo thẩm định, các văn bản liên quan..., Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi các thành viên Hội đồng quản trị đồng thời với việc gửi các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty.

c) Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty được quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d) Hàng tháng, quý Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, đề xuất các biện pháp, hướng giải quyết trong sản xuất kinh doanh khi vượt thẩm quyền;

e) Định kỳ hàng quý, năm, Hội đồng quản trị rà soát, tiến hành kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác theo quy định.

g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên được quy định trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.**

- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở để Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thưởng, hay kỷ luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

## **3. Công bố thông tin**

a) Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Công ty ban hành Quy chế công bố thông tin và Giám đốc Công ty trực tiếp thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc quyết định bằng văn bản ủy quyền cho ít nhất 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty để thực hiện việc công bố thông tin.




c) Người được ủy quyền công bố thông tin phải có các điều kiện sau:

- Trung thực, cẩn trọng, mãn cán; có kiến thức về kế toán tài chính, kỹ năng nhất định về tin học;
- Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông tiện liên hệ;
- Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là quan hệ với cổ đông, ghi nhận các ý kiến của cổ đông, định kỳ công bố thông tin và trả lời các ý kiến của cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
- Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Bản Quy chế này gồm 3 Chương, 7 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin thông vào ngày 26/04/2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày 26/04/2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** 



Nguyễn Trọng Tốt







TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM-VINACOMIN

Số: 42 /QĐ-HDQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị,  
Công ty cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin đã được ban hành ngày 26/4/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT- BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin họp ngày 26/4/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin”; Quy chế gồm 7 Chương, 24 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2021, thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành kèm theo Quyết định số 103/QĐ-HDQT ngày 26/12/2016 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Hà Lâm- Vinacomin.

**Điều 3.** Các ông (bà) Ủy viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty Chịu trách nhiệm thi hành quyết định. /sđl

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt





**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM- VINACOMIN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày /4/2021)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các phòng, ban, công trường, phân xưởng (sau đây viết tắt là đơn vị) trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty và các tổ chức khác;



d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty-công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị thay thế chỗ trống phát sinh, thì nhiệm kỳ của thành viên này là thời gian còn lại của nhiệm kỳ.

5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty theo Điều lệ Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;



d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý.

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;



d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị-như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được



quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử tại Đại hội.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý



khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;



l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

## **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.



2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;



h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người



đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.



12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:



- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.



## **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.



3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

**Điều 22. Mỗi quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

**Điều 23. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**Chương VII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Than Hà Lâm – Vinacomin bao gồm VII chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021./. rd

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt

Y.C.P. \* M.



Số: 04 /ITr-BKS

Hạ Long, ngày 31 tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin;*

Ban kiểm soát Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin, bao gồm các nội dung sau:

### **1. Lý do xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.**

Trong các năm trước đây, pháp luật không quy định cho Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế hoạt động BKS, mà quy chế hoạt động BKS do BKS ban hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BKS. Nhưng nay pháp luật có quy định về quy chế hoạt động BKS phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Do đó, BKS Công ty xây dựng quy chế hoạt động của BKS để trình Đại hội phê duyệt trước khi BKS ra quyết định ban hành.

### **2. Phạm vi điều chỉnh chung của quy chế**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin (viết tắt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty) là quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin (gọi tắt là Điều lệ công ty) và các quy định khác có liên quan.

### **3. Cơ cấu của quy chế**

Quy chế gồm: Phần viện dẫn căn cứ pháp luật và 7 chương, 22 Điều

**3.1-Phần viện dẫn căn cứ pháp luật:** Nêu các văn bản pháp luật để áp dụng xây dựng quy chế.

**3.2- Các chương và tên các điều trong chương:**





**(i) Chương 1. Quy định chung**

Chương 1 gồm 2 điều, từ điều 1-;-điều 2: Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.

**(ii) Chương 2. Thành viên BKS (Kiểm soát viên)**

Chương 2 gồm 8 điều, từ điều 3-;-điều 10: Quy định về Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát Công ty; Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát; Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát; Trưởng Ban kiểm soát; Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;

**(iii) Chương 3. Ban kiểm soát**

Chương 3 gồm 3 điều, từ điều 11-;-điều 13: Quy định về Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát; Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát; Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

**(iv) Chương 4. Cuộc họp BKS**

Chương 4 gồm 2 điều, từ điều 14-;-điều 15: Quy định về Cuộc họp của Ban kiểm soát; Biên bản họp Ban kiểm soát;

**(v) Chương 5. Báo cáo công khai các lợi ích**

Chương 5 gồm 3 điều, từ điều 16-;-điều 18: Quy định về trình báo cáo hàng năm; Tiền lương và quyền lợi khác; Công khai các lợi ích liên quan.

**(vi) Chương 6. Mối quan hệ của Ban kiểm soát**

Chương 6 gồm 3 điều, từ điều 19-;-điều 21: Quy định về mối quan hệ giữa các thành viên BKS; Mối quan hệ với ban điều hành; Mối quan hệ với HĐQT.

**(vii) Chương 7. Tổ chức thực hiện**

Chương 7 có 1 điều (điều 22): Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

Các nội dung chi tiết của Quy chế hoạt động BKS nêu trên đã được Công ty đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Website: <http://halamcoal.com.vn> (Mục quan hệ cổ đông) trước ngày 05/4/2021 để cổ đông tiếp cận.

Ban kiểm soát Công ty trình Đại hội cổ đông phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát- Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên BKS; HĐQT;
- Ban Giám đốc; Kế toán trưởng;
- Phòng CV (Công bố TT)
- Lưu BKS;

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**Nguyễn Văn Tấn**



Số: 05 /QĐ - BKS

Hạ Long, ngày 26 tháng 4 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát  
Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin

### BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 ngày 26 tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin, bao gồm các nội dung sau:

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin (viết tắt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty) là quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin (gọi tắt là Điều lệ công ty) và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin (gọi tắt là Ban kiểm soát công ty) được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty.



## **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát Công ty chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát Công ty.

## **Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát Công ty**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Công ty không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên thay thế phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã



hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp;

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [ 10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. [Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác], việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy



định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



## **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc



quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cổ



đồng.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;



b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát

a. Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát có thể ủy quyền cho một thành viên Ban kiểm soát thay mặt chủ trì cuộc họp, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát.

b. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp đều có quyền biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo quy định tại điều này) thực hiện biểu quyết.

c. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông qua chương trình cuộc họp, thảo luận từng nội dung liên quan; lấy ý kiến biểu quyết thông qua, việc biểu quyết tiến hành công khai hoặc bỏ phiếu kín tùy theo tính chất, nội dung thảo luận. Thư ký công ty hoặc thành viên Ban kiểm soát do người chủ trì họp chỉ định ghi biên bản, các thành viên Ban kiểm soát và thư ký cùng ký tên và được gửi cho thư ký công ty, các thành viên Ban kiểm soát và lưu giữ tại Ban kiểm soát công ty.

4. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

a. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp trưởng Ban kiểm soát vắng mặt), ngoại trừ trường hợp mà trưởng Ban kiểm soát hay người được ủy quyền chủ trì cuộc họp có lợi ích liên quan đến những nội dung biểu quyết trong cuộc họp.



c. Các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát, mỗi thành viên Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát.

### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác



theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**



### **Điều 19. Mỗi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

1. Các thành viên Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

2. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Ban kiểm soát thì các thành viên Ban kiểm soát phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản lưu giữ tài liệu tại Ban kiểm soát Công ty.

### **Điều 20. Mỗi quan hệ với ban điều hành**

1. Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

2. Ban Giám đốc và cán bộ các đơn vị, phòng ban Công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

### **Điều 21. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị**

1. Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. HĐQT bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT

## **Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 22. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung**

1. Trong quá trình thực hiện quy chế, nếu có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc trái với quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, các tổ chức, đơn vị cần có văn bản phản ánh kịp thời để BKS nghiên cứu, xem xét sửa đổi hoặc bổ sung.

2. Những nội dung chưa được quy định trong quy chế được hiểu là phải áp dụng thực hiện theo Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các Luật khác liên quan hiện hành. Trường hợp những quy định mới của pháp luật, khác với những điều khoản trong



- quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của BKS công ty.

3. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Hà Lâm – Vinacomin, bao gồm VII chương, 22 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được công khai trong toàn Công ty để làm cơ sở thực hiện./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Văn Tấn**

